

TRẦN-VĂN-NHẬT

*Tim Hiền*

Thuyết

KINH ĐỀ

BÌNH SAN

MAI-LAN

TÀI LIỆU CHỦ NGHĨA CHIẾN

## **Lời giới thiệu**

Giữa hai thể-lực tư-bản tự-do và độc tài cộng sản, chúng ta đã thấy xuất hiện một xu hướng trung lập.

Nói là trung lập, chúng ta tượng hình là một thể đứng trung dung ở giữa hai khối trên. Nhưng xét kỹ lại thì chỉ có thể nói tới sự ngất ngưỡng chính trị :

— Hoặc là một nước với một tổ chức tư-bản chậm tiến, một vài vị lãnh đạo tại Quốc-Gia đó, đầu cơ chánh trị, nhằm mình không thể bỏ cơ cấu xã hội hiện hữu, mà sự đe dọa cộng sản gần kề, nên bắt cả hai tay tuyên bố Quốc-Gia trung lập.

— Hoặc tại nước cộng sản, thuyết xã hội cộng sản thế giới không vững, tán đế quốc đỏ Nga-Sô chèn ép. Các tiểu nhược quốc muốn thoát ly ách thống trị đế vương náu tại thuyết trung lập, nhưng cơ cấu xã-hội vẫn tổ chức theo cộng sản.

Đây là nói về các phần tử tiểu nhược quốc.

Ngày nay tại các đại cường tư bản, hoặc cộng sản cũng cảm thấy mình ở thế cực-doan nên bắt đầu tiết chế đề đỡ bị thiên lệch

Đó là ý muốn của cấp lãnh đạo, nhưng người dân dù là sống tại đại cường thống-trị, hoặc tại các tiểu quốc bị trị, chỉ được ăn các bánh vẽ :

— Những mộng xe hơi nhà lầu, quyền tư hữu chỉ là lời nói suông cho các cuộc bầu cử tranh giành quyền lợi tại các quốc gia vẫn được gọi là tự do.

— *Mộng san bằng, giai-cấp tri thức và địa chủ và thực hiện cái được gọi là xã-hội cộng sản nay đã quá nham-nhở vì giai cấp thống-trị còn dằng cay cho thắng dân đen hơn bao giờ hết.*

*Vậy mộng nhiều tiền không thành, giai cấp đấu tranh không vững, thuyết trung-lập không cần bản, chúng ta, người dân, tại các tiểu nhược quốc tìm sao cho ra lối thoát?*

Ông TRẦN-VĂN-NHẬT, một cách mạng gia áo vải xuất thân:

*tay làm hàm nhai,  
tay quai miệng trễ,*

*tìm thấy sự thềm muốn của cái khối quần chúng đa số đó, không thể vươn lên thành tri-thức tư-sản mất gốc, không thể tự biến thành địa chủ gian-manh, nhưng tự tin ở sức sống cộng đồng, sức mạnh của cần lao, ước mong một phần thưởng xứng đáng cho mọi công lao, Ông đã có công khai triển Kinh Tế Bình Sản Thuyết.*

*Thuyết này, tự dân mà ra, phải được dân chấp-nhận; lúc đó cơ cấu xã-hội tổ chức theo ý dân, các cấp lãnh đạo bóc lột không còn tồn tại. Không cần chiến thắng, cộng sản phải tan; không cần hy sinh để bản cùng hóa xã-hội, đại tư bản xã-hội tự biến cải. người dân của các quốc-gia nghèo yếu chúng ta sẽ có chỗ đứng và sống trong vinh-dự của con người.*

*Quyền Bình-Sản Kinh-Tế này không phải để cho chúng ta mà thôi, nó còn là một bước đầu cho cả một hệ thống cải-tổ xã-hội nhân loại, đưa đến thế giới quân bình, các tranh giành giai cấp trong quốc-gia lúc đó cũng không còn đặt thành vấn đề nữa.*

Cuối năm 1969

Bác-SĨ LÝ-HỒNG-SEN

## Vào đề

### BÌNH SẢN LÀ GÌ?

Hai tiếng Bình Sản hiện đã tạo thành một nguồn dư luận trong xã hội Việt.

Xét theo quan niệm đại cương thì tất cả những người tán thành chủ trương Bình Sản đều đồng ý với nhau rằng : Phải quân bình đời sống quá chênh lệch giữa hai giai cấp tư bản và vô sản, thì quốc gia mới có thể hòa bình thống nhất được.

Nhưng khi đi sâu vào chi tiết, để tìm cách thực hiện chủ trương này, thì quan niệm về chữ BÌNH lại chia ra nhiều phe phái khác nhau, từ lý luận đến hành động .

**1- Phe khuynh tả** cho rằng muốn thực hiện chủ trương Bình sản, việc trước nhất là phải tịch thu bớt của Nhà Giàu chia cho Nhà Nghèo. Có như vậy thì xã hội mới quân bình được.

**2- Phe khuynh hữu** lại cho rằng không cần phải tịch thu bớt của Nhà Giàu, mà chỉ cần tiết chế họ bằng những sắc thuế như : lũy

tiền, xa xỉ v.v ... (kiểu nuôi bò vắt sữa) cũng đủ làm cho xã hội thăng bằng được rồi.

**3- Phe dung hòa** cũng cho rằng cần phải làm cho xã hội có thăng bằng, nhưng chỉ thăng bằng một cách tương đối (équilibrer), chứ không nên đánh thăng bằng theo nghĩa chữ thủy chuẩn (niveler), thì mới hợp với lẽ tiến hóa của tự nhiên được.

Cho nên khách quan mà xét thì tất cả chủ trương Bình sản khác nhau như trên đều phát xuất từ chỗ sửa sai hay xét lại hoặc vá vtu, của các chủ nghĩa cũ hợp thành một khái niệm, chứ không phải là một chủ trương Bình Sản đúng nghĩa theo tinh thần mới.

Như vậy thì Bình sản đúng nghĩa của nó là gì? Tất nhiên nó phải là một chủ trương kinh tế mới, khác hẳn với những chủ trương kinh tế kia, từ lý luận đến hành động thì mới mong giải quyết nổi những khó khăn của xã hội hiện tại.

#### A- VỀ LÝ LUẬN

Cần xây dựng cho chủ trương Bình sản một căn bản triết học, đề khi vào hành động không bị lầm lạc do sự thiếu hiểu biết gây ra.

Cho nên mặc dù Bình sản không phải là một chủ nghĩa nhưng nó không thể thiếu phần căn bản lý thuyết đề khơi nguồn tư tưởng và chứng minh cái lý do nào đã cấu tạo ra chủ trương này. Nó có thích hợp với trào lưu tiến hóa của nhân loại hay không? Tương lai của nó đi về đâu, sau khi con người ổn định về đời sống vật chất? Nếu không thì chủ trương Bình sản cũng lại sẽ vấp phải những khó khăn như các chủ nghĩa cũ, trong công việc kiến thiết đời sống toàn diện.

Nói vậy không có nghĩa là phải đem trình bày cả một hệ thống tư tưởng, như cộng sản đã phải dẫn chứng bằng cả nền triết học Duy-Vật mới đủ xây dựng thể đứng cho một chế độ. Không cần phải bàn sâu tán rộng như vậy, mà chỉ cần tóm lược những phần lý thuyết thực tiễn làm kim chỉ nam cho hành động là đủ. Còn những nguyên tắc cao sâu khác sẽ bỏ tức sau, khi nhận thấy đó là vấn đề cần thiết

#### B- VỀ TỔ CHỨC VÀ HÀNH ĐỘNG

Mang chủ trương vào tổ chức và hành động không phải là một việc làm đơn giản, cho nên phải đi từ phần Thiết Kế đến việc

diễn giải về Bốn Công Chủ Nghĩa thực rõ ràng. Rồi sau đó mới bàn tới việc chia ra Bốn hệ Thống Sản-Nghiệp theo đúng tiêu chuẩn BÌNH, thì việc làm mới có kết quả tốt, đạt tới chủ trương Hòa của xã hội.

Tất cả những việc làm khó khăn này tuy trách nhiệm ở những nhà kinh bang tế thế, nhưng thực tế hành động lại là ở BỐ CU ME ĐỂ có Hứng làm theo chiều Hường kinh tế đó hay không? Vì nếu cái khối quần chúng đại đa số này không mang hết nhân lực, tài lực và vật lực kiểu góp gió thành bão ra, thì chủ nghĩa có hay cũng không đạt được kết quả nào hết.

Để giải quyết vấn đề này, công việc đầu tiên là phải làm cho dân chúng hiểu rõ giá trị và ý nghĩa của chủ trương Bình Sản bằng cách sắp đặt các nguyên tắc tổ chức và hành động theo hình đồ của Hai cái Bát úp vào nhau một cách hết sức đơn giản trước đã. Rồi sau đó mới đem giải thích theo hệ thống của hình đồ từ trên xuống dưới như sau : (1)

(1) Xem trang 14

## I. BÌNH SÂN THIẾT KẾ

Thiết kế và chấp hành là công việc của Chính quyền, khi chính trị không có nghĩa là cai trị và thu thuế của một Nhà Nước hoàn toàn vô sản (kiểu Tư bản.) Thiết kế cũng không phải là công việc riêng của một nhóm người được mệnh danh là Nhà Nước Tư bản (kiểu Cộng sản.) Bởi vì chính trị theo quan niệm Bình sản phải là công việc thiết kế và chấp hành nhân sinh mới đúng. Nhưng thiết kế như thế nào? Thiết kế cái gì? Đó là một vấn đề được đặt ra cho mỗi chính quyền cần phải thiết kế và chấp hành các sản nghiệp hệ thống và khai thác bốn công chủ nghĩa, để cùng dân chúng dựng xây lại nền tảng kinh tế Quốc gia xã hội sớm trở nên hùng mạnh.

## II. BỐN CÔNG CHỦ NGHĨA

1) Công bản chủ nghĩa. — Có mục đích : Tìm tòi và khai thác các nguồn sản Quốc gia và tư nhân làm thành tiền vốn để khuếch trương kinh tế mà không sợ thiếu thốn. Tất cả những tài sản tư và công đó, trên



nguyên tắc lập pháp, được gọi chung là công bản để nhà nước có thể ước tính được trong việc thiết lập một đề án xây dựng kinh tế Quốc gia.

2) Công lao chủ nghĩa. — Có mục đích : Ứng dụng sức lao động của toàn dân vào việc khai thác vốn thành lợi, hâu đây mạnh nền kinh tế của quốc gia bất cứ chậm tiến hay tiến tiến đến mức độ thặng dư, khiến không còn một ai bị bỏ quên, hay thiếu thốn.

3) Công phối chủ nghĩa. — Có mục đích : Phân phối các nguồn sản, đồ dùng, đất đai, nguyên liệu, lao công, sở đắc đều quy về Quốc gia thống nhất thi hành (Cơ năng hiến pháp tập I) nhất là việc chia lợi tức quốc gia.

4) Công độ chủ nghĩa. — Có mục đích : Xây dựng nền tài chánh Quốc gia theo đà tiến triển của các chủ nghĩa trên và dựa theo các nguyên tắc :

a) Quốc gia công cộng chi phối kim : dòng tư hữu.

b) Quốc gia thống nhất và quản lý về lương bổng, công cũng như tư chức, vì lương sẽ do Công Vụ Viên y cứ vào giá sinh hoạt địa phương và có sự thỏa hiệp giữa chủ và

thợ quyết định.

c) Quốc gia tài trợ trực hoặc gián tiếp cho tất cả mọi ngành sinh hoạt kinh tế trên mọi lãnh vực, khiến huyết mạch của tiền tài được lưu thông hợp lý.

### III. BỐN SẢN NGHIỆP HỆ THỐNG

Sau những nguyên tắc chỉ đạo của bốn công chủ nghĩa là việc phân công của bốn hệ thống sản nghiệp.

1) Quốc gia hệ thống : Gồm có Quốc sản và Quốc doanh.

2) Địa hạt hệ thống : Gồm các công sản và công doanh có tính cách địa phương tự trị.

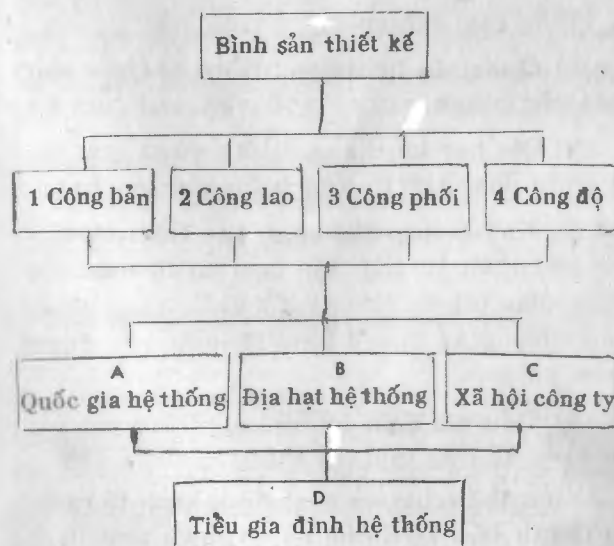
3) Xã hội hợp tác công ty : Gồm tài sản của tư nhân tư bản tập hợp lại từ mức tối thiểu đến tối đa, để có đủ khả năng thực hiện những kế hoạch kinh tế quốc gia được phân nhiệm.

4) Tiểu gia đình hệ thống : Gồm các vai trò kinh tế của mỗi gia đình.

Việc phân chia sự hoạt động kinh tế quốc gia thành bốn hệ thống này vừa có mục đích

làm cho dân tộc sớm giàu mạnh, vừa ngăn ngừa được nạn cá nhân lũng đoạn kinh tế trong xã hội Tư bản, vừa tránh được nạn xã hội thao túng hết quyền lợi tư nhân dưới chế độ Cộng sản. Vì hệ thống nhà nước dưới chế độ Bình sản chỉ nắm phần hoạt động chủ chốt, còn các bộ phận khác đều phân chia cho ba hệ thống kia. ví như bánh xe lớn vận chuyển cùng với bánh xe nhỏ trong một bộ máy vậy.

#### HÌNH ĐỒ TỔ CHỨC BÌNH SÂN KINH TẾ



Cho nên nhìn vào hình đồ tổ chức Bình sản kinh tế thì thương từng kiến trúc là: Chính trị thiết kế và chấp hành cả bốn công chủ nghĩa, để chuyển vào bốn hệ thống sản nghiệp thực hiện, mà gia đình là: Hạ tầng cơ sở được xây dựng một cách rất hoàn bị (Sẽ được dẫn chứng ở các phần sau).

Tiếp theo phần căn bản lý luận và kỹ thuật là việc mang chủ trương kinh tế Bình sản áp dụng vào khung cảnh xã hội Việt. Công việc này cũng quan trọng không kém hai phần trên, vì sự thành bại của nó chẳng những có ảnh hưởng trực tiếp đối với dân Việt, mà còn có liên hệ cả với quốc tế trong việc giải quyết chiến tranh ý thức hệ hiện tại.

\*

PHẦN THỨ NHẤT

***Căn bản lý thuyết***



## BÌNH SẢN TRIẾT THUYẾT

Bàn về kinh-tế, người Việt thường mang câu tục ngữ: « Người làm ra của, chứ của không làm ra người » để chứng minh cái giá trị sinh sản lớn lao của con Người. Vì lẽ của cái sở dĩ có là do bộ óc và bàn tay con người làm ra tất cả.

Cái quan niệm về Người phải đặt trước « Của » (hoặc tài vật) này, thoạt nghe có vẻ hơi đồng với triết lý của người Trung Hoa trong câu: « hữu nhân tất hữu thổ, hữu thổ, tất hữu tài » (có người tất có đất, có đất tất có tiền), nhưng khi vào thực tế hành động thì quan niệm về con người của Trung-Hoa và Việt khác hẳn nhau.

Người Trung-Hoa vì đông dân nên thường mong mở mang đất đai, tạo thành để

quốc. Do đó đã làm mất cái căn bản của phép Tĩnh Điền (chia đất theo hình chữ Tĩnh 井).

Còn người Việt thì đất hẹp, người thưa và luôn luôn phải đối phó với ngoại-xâm nên coi Người trong hơn Cửa. Do đó mà có sự sau sẻ cho nhau, giúp đỡ nhau về mặt tình cảm cá nhân, cũng như việc coi chế độ Bình-sân là một lý tưởng xã-hội cần phải bảo vệ nó ngay từ thời Lạc-chế đến hiện tại. Cho nên cứ sau mỗi thời kỳ bị Đế Quốc Trung-Hoa xâm lược, làm mất nếp sống cổ hữu của dân-tộc, thì các vị anh hùng cứu quốc Việt lại phải lo phục hưng chế-độ này. Rõ rệt nhất là hai cuộc cách-mạng Lê-Lợi và Quang-Trung cận đại. Vì vậy mà phép « chiếu định quân thổ » (cứ ba năm một lần chia lại ruộng đất, căn cứ vào số dân tăng hoặc giảm tại nhiều làng xã) tới nay vẫn còn tồn tại.

Ngoài công việc quân binh tài sản dôi ra, các nhà lãnh đạo Việt xưa còn phải lo di dân để khai phá thêm rừng hoang đồng lầy để có thêm ruộng đất, vừa để mở mang kinh-tế, vừa giải quyết nạn nhân mãn ở những nơi mật độ dân chúng quá đông. Do đó mà danh từ kinh-tế thường được dùng để chỉ về một nhà lãnh-đạo có tài như Nguyễn-

Công-Trứ đã có công khai phá miền duyên hải Bắc phần. Vì theo định nghĩa trên, thì công việc của một nhà lãnh đạo dân là phải lo cho dân về cả mọi phương diện, chứ không phải chỉ làm công tác thuần túy « cai trị » dân, kiểu thực dân đế-quốc, hoặc theo quan niệm tư-bản chủ nghĩa cũ, đem tách rời kinh-tế và chính-trị riêng biệt thành ra :

— Người làm chính-trị thì chỉ lo việc cai-trị và thu thuế để nuôi bộ máy cai trị, hầu bảo vệ an ninh cho các nhà kinh-tế tự do sinh hoạt thành giai cấp hữu sản.

— Người làm kinh-tế thì cũng chỉ cần lo làm giàu cá nhân hơn người khác, chứ không cần biết đến quyền lợi chung của xã-hội.

Bởi thế nên, danh từ « kinh bang tế thế » một cách rộng rãi, bao gồm cả hai công việc chính-trị và kinh-tế làm một, đã bị tách ra và thu hẹp lại trong phạm vi của « kinh doanh » mà thôi.

Sự phân chia kinh-tế và chính-trị thành hai ngành chuyên môn riêng của tư bản chủ-nghĩa này đã tạo ra cảnh vô tổ-chức trong đời sống dân chúng ; kẻ có cơ hội thì tự do làm giàu người ít may mắn được tự do đói rách. Thế rồi nạn giai-cấp giàu, nghèo quá chênh-lệch về

tài sản này đã làm mất thăng bằng xã-hội đi. Đó chính là nguyên nhân của vấn đề giai cấp đấu tranh giữa Tư-bản và Cộng-sản chủ-nghĩa đang diễn ra khắp thế-giới hiện nay—mà đất Việt đang được dùng làm chiến-trường thử-thực.

Đã hơn hai mươi năm qua rồi, chiến sĩ Việt chết, đất Việt bị phân chia nhân tâm bị ly tán, đời sống bị khổ cực mà vẫn chưa tìm ra lối thoát cho cuộc chiến-tranh ý-thức hệ đang diễn tiến và còn kéo dài này.

Trông cậy vào các quốc-gia Đồng-minh của cả hai trận thế, giữa hai miền Nam Bắc sẽ đem lại hòa bình thống nhất cho dân-tộc Việt ư ?

Không thể được, vì chính các cường quốc đó cũng đang gặp khó khăn nội bộ, cần phải sửa sai và xét lại, thì còn nói gì đến việc giải-quyết cho dân-tộc theo đường lối hòa hay chiến ?

Cho nên, người Việt phải tự cứu mình bằng việc trở lại nguồn gốc dân-tộc mang tại kinh bang tế thế ra phục hoạt lại chủ trương Bình-sân kinh-tế, như các vị anh hùng dân-tộc đã thực hiện, sau mỗi lần đuổi

giặc ngoại xâm. Có như vậy mới có thể cứu dân-tộc mình thoát khỏi họa diệt vong và gỡ rối cho cả một nhân loại chưa tìm ra lối thoát, hầu xây dựng một nền hòa bình vĩnh cửu, trên nền tảng triết lý con người, như sau :

- 1.— Con người và xã-hội ;
- 2.— Mục đích của sự sống ;
- 3.— Hành động nhân sinh ;
- 4.— Biện chứng của công việc ;
- 5.— Quan niệm lịch-sử ;
- 6.— Nền tảng chế-độ ;
- 7.— Hành động và trách nhiệm.

## I. NÓI VỀ CON NGƯỜI VÀ XÃ-HỘI

Mặc dầu không phải là chuyện mới lạ, khi đem bàn về con người, song việc xác định rõ giá-trị và lập trường của con Người trong xã-hội thì thật chưa có một chủ thuyết nào là trọn vẹn cả.

### A.— VỀ CON NGƯỜI :

Từ lúc có lịch-sử đến nay, con người vẫn băn khoăn tự hỏi : Người là gì ?

Là Thần-Thánh theo quan niệm Duy-tâm hay là thú vật theo định nghĩa của Duy-vật ? Nếu bảo «nó» là Thần Thánh thì không

nên bàn nhiều về hưởng thụ vật chất. Vì sự sống của con Người : « sinh ký tử qui » đời sống hiện tại là sống gửi, thác là mới về quê hương thực sự. Nên giá trị và ý nghĩa của nhân sinh không phải là đường sống và cách sống ở cõi thế gian này. Còn nếu bảo con Người ví như con vật có tiến bộ hơn muôn vật, thì sự ăn uống của nó phải đồng đều và đời sống không cần đến Đạo giáo nữa. Vì lẽ sống của con người là khoa học, và khoa học sẽ giúp cho cái tập thể sống của con Người có đầy đủ vật chất để phân phối là đủ rồi.

Như vậy thì con người thực thể của nó là gì ? Thể đựng của nó ở đâu ? Đời sống phải như thế nào ? Để định cho nó một đường sống, một cách sống và ý nghĩa của sự sống ?

Cho nên ở đây không cần phải truy nguyên về nguồn gốc của con Người ở đâu cả, mà chỉ biết rằng:

Con Người là một « Thực Thể » nó mang theo trong mình hai tính chất :

1. — Cá thể tính để sống đời sống riêng ;
2. — Tập thể tính để sống hợp quần với nhau trong xã-hội chung.

Nếu đề mặc cho cá nhân tự do sinh hoạt

một cách vô tổ chức, theo tư bản chủ nghĩa thì kẻ mạnh sẽ ăn hiếp yếu, người giàu sẽ bóc lột người nghèo, Đẻ rồi phát sinh ra vấn đề giai-cấp đấu tranh, kéo dài không dứt. Hoặc trái lại, chỉ cần khai thác tập thể tính thành chủ nghĩa xã-hội để bóp chết tự do cá nhân như cộng sản chủ trương thì con người cũng sẽ mất hết ý nghĩa của sự sống.

Cho nên con người cần phải được bảo vệ cả Cá Thể Tính lẫn Tập Thể Tính thì mới có thể xây dựng được thể đựng cho con Người ở trong Xã-Hội Tự Tính có Quân Bình vậy.

## B. — VỀ XÃ-HỘI

Quả thật với hai tiếng xã-hội tuy vẫn đề chỉ về một tập thể sống của con người. Nhưng trong đó có bao nhiêu quan niệm sống ? Con Người cứ tự do cạnh tranh nhau để sống ? nhân nhượng nhau để cùng sống ? Hay mang thủ đoạn độc tài ra áp chế nhau để sống tất-cả đều chưa được xác nhận rõ ràng. Nên người ta mới phải kèm theo sau danh từ xã-hội những chủ trương của mỗi chế độ như : Xã hội Tự bản, Xã hội Cộng-sản v.v..

Vậy thì xã hội đúng nghĩa nhất của con

Người là gì ?

Thái Dịch Lý Đông A đã có giải thích về cái xã-hội của con Người này, là « Xã-hội tự tính ». Vì nó không kết hợp bởi thế lực và quyền lợi nào, mà do « Nhân tính » của con Người tự nhân thấy : đã là Người thì phải có ăn, có mặc mới sống ; phải lấy vợ lấy chồng để nối tiếp sự sống, phải hợp quần với nhau mới có thể cùng ứng cho nhau những nhu cầu đời sống hàng ngày.

Tất, những thứ đó kết hợp thành cái gọi là : « xã hội tính ». Vì Con Người thì không thể sống xa lìa xã-hội tự tính đó được. Vì xa lìa xã-hội tự tính, con người sẽ bị thiếu thốn khổ sở và xã-hội sẽ bị đổ vỡ như tình trạng hỗn loạn của xã hội con người hiện thời (xem thêm cuốn : xây dựng sự sống và tình yêu)

## II- NÓI VỀ MỤC ĐÍCH CỦA SỰ SỐNG

Sau khi con người đã ý-thức mình là người, thực thể người, có cá thể chung, để cùng kiến tạo gia đình và thành lập xã-hội, thì thực đích của sự sống con người là thực hiện « Đạo Sống ». Vì chỉ có đạo sống mới

đem cho  
đem/con người được:

- Bát cơm đầy,
- Manh áo ấm,
- Vận hòa bình,
- Đời sống vui,
- Bước tiến hóa.

Sở dĩ những ước vọng trên của con người tới nay vẫn chưa đạt được, cũng vì thiếu giác ngộ Lý-Tướng Người, để thực hiện Đạo Sống kia. Nên con người đã để mặc cho luật cạnh tranh thiên diễn tạo thành cảnh hỗn loạn giữa con Người với nhau : Kẻ nào mạnh thì sống, kẻ nào yếu thì chết. Do đó con Người càng ngày càng xa lìa cái Xã hội tự tính, để sau cùng phải đi tìm cõi chết để an ủi và tạ tội.

Cho nên ngày nay, nếu con Người thực hiện được đạo sống : « Sống cho ra Sống » thì lúc chết mới đứng chỗ và hợp lý được.

Vấn đề Sống với Chết trong lúc này thực là nan giải. Nhưng không phải là con Người không thể chỉ tạo nổi, khi đã biết trở lại mình để xây dựng lại xã-hội tự tính của mình. Mà khởi điểm của việc xây dựng xã-hội tự tính đó là giải quyết nhu yếu tính theo tiêu chuẩn của chữ « BÌNH » về kinh



Tế vậy.

Vì chỉ có Bình Sân trên kinh tế, mới có bình đẳng trên địa vị xã hội giữa <sup>người</sup> này với kẻ kia. Chỉ có Bình Sân kinh tế mới hết nạn giai cấp đấu tranh hầu tiến tới hòa bình hạnh phúc, và cũng chỉ có bình sân kinh tế mới ổn định được đời sống vật chất của con người, ví như đứa trẻ sơ sinh, sau khi được bú no bầu sữa mẹ, mới yên dạ dễ vui cười với mọi người và mọi vật xung quanh nó. Người lớn cũng vậy, sau khi giải quyết mọi nhu yếu vật chất xong, lúc đó mới nghĩ tới «Sắc Tính» về trai gái, đề tính chuyện vợ chồng sinh con để cái nối dõi lâu dài được

Tục ngữ Việt có câu : «Cơm no ấm cất, giậm giật mọi nơi, Áo rách tả tơi, mọi nơi thôi giậm giật» là nghĩa đó.

Tiếp theo nhu yếu tính đến xã hội tính và tư vệ tính để thiết lập đời sống quây quần với nhau một cách hòa hài, phân công phân nhiệm cho nhau từng vai trò, trong việc xây dựng xã hội bằng nghề nghiệp của mỗi người. Đồng thời cũng là đề bảo vệ đời sống chung được hòa bình hạnh phúc thêm nữa.

Tất cả những đặc tính của con người đã

ràng buộc lẫn nhau, làm cho con người không xa lìa xã hội tự tính này. Đạo sống của con người là như thế. Nó phải căn cứ vào nhân tính của con người về nhu yếu vật chất, về sự yêu thương của trai gái và cả sự tương quan giữa đời sống cá nhân và tập thể đã được tổ chức thành xã hội, để sống theo đường sống và cách sống của con người. Có như vậy thì con người mới yêu đời sống thực tại và cảm thấy giá trị và ý nghĩa của nhân sinh, chẳng kém gì thiên đường Đạo chết vậy

Đừng bi quan yếm thế, đừng tuyệt vọng ở sự sống tương lai, dù hiện tại đời chỉ là một bể khổ. Vì con người còn có đủ lương tri để xây dựng Đạo Sống, hơn là đi tìm cỏi chết lần lần bằng chiến tranh. Đừng tỏ ra bất lực và sợ hãi thiên nhiên, khi bộ óc sáng tạo và Bàn tay động đã có đủ khả năng đưa con người từ trái đất lên tới cung trăng. Đã như vậy thì «nó» cũng có thể biến cái trái đất già nua này trở thành Thiên Đường Sống của một nhân loại biết thương yêu nhau để «cùng sống và giúp tiến».

Vậy thì, kẻ đi và làm đạo sống hôm nay đã có đủ mọi lý lẽ để chứng minh rằng :

« ĐẠO SỐNG LÀ ĐẠO THỰC » có ích, ngay cho đời sống của con Người.

Cả nhân loại đang chờ Đạo Sống đến với họ.

Đạo Sống nhất định sẽ phải thực hiện.

### III. NÓI VỀ HÀNH ĐỘNG CỦA NHÂN SINH

Lẽ Sống của con người là Hành Động, Con Người không hành động tức là con Người Chết. Vì chỉ có Hành Động mới tạo nên cho con người một « THIÊN ĐƯỜNG CỦA SỰ SỐNG »

Một Thiên Đường có đầy đủ cả :

- Hạnh phúc vật chất.
- Khoái lạc tinh thần,
- Ổn định ý chí
- Kiện khang sinh lý.
- Sáng suốt trí tuệ,
- Hợp lý hành vi (Duy Nhân Cường

Thường)

Cho nên chỉ khi nào con người xây dựng nên cái xã hội lý tưởng kia, thì sự sống mới có ý nghĩa và trường tồn.

Muốn vậy hành động của con người là làm việc đúng đường, đúng mức và hợp lý

Tật lười biếng là do tâm lý bệnh hoạn và thiếu phân công hay thiếu cơ hội để làm nghĩa vụ và hưởng quyền lợi. chứ bản chất của con người thực sự là : Thích làm việc. Vẫn lấy một đứa trẻ sơ sinh làm thí dụ, khi Người ta thấy nó khóc cười đập chân múa tay không biết chán, ngay từ khi biết cử động và hễ còn nằm ngửa, rồi từ đó nó tập lật, tập bò, tập đi, tập chạy v.v... cho đến khi đứa trẻ lớn lên và cảm thấy lẽ sống của nó trong khung cảnh gia đình như thế nào : giàu hay nghèo ? Hoàn cảnh của Quốc gia như thế nào : Để quốc hay Nhược tiểu. Lúc đó nó mới có thái độ ở yên hay thoát ly cái gia đình đã sinh ra nó, phục tòng hay chống đối cái chế độ xã-hội nó đang sống và sẽ sống.

Đó là những đứa trẻ lành mạnh, còn những đứa trẻ bệnh hoạn ngay từ bào thai thì đến khi lớn lên tất nó trở thành ươn hèn trước tất cả mọi sự việc quanh mình. Thì nó chỉ có thể tán thành hay chống đối những điều nó thích hay không thích một cách tiêu cực mà thôi.

Đó là xét về thể chất tự nhiên và hoàn cảnh sống của con người. Bởi khả năng của mỗi người, sống riêng rẽ trong mỗi gia đình không

có tổ chức không có lãnh đạo bằng một kế hoạch theo đúng cái điều mình muốn, thì rồi tất cả trên dưới đều không làm được gì hết. Hoặc làm một cách vô tổ chức, trái hẳn với Đường Sống và Lễ Sống của nhân loại. Như vậy thì cũng nguy hại không kém.

Quan niệm Bình Sân kinh tế trình bày qua hình đồ ở phần trên, đã chứng minh rõ từ phần thiết kế tại thượng đến hạ tầng cơ sở là tiểu gia đình. Không ngoài mục đích làm cho mọi người bắt tay vào hành động là vì quyền lợi của mỗi người, chứ không phải vì Nhà Nước Cộng sản, hay vì giai cấp Tư bản.

Cho nên tâm lý phá hoại và không thích làm việc nhiều, chỉ có thể phát sinh dưới chế độ tư-bản hay cộng sản. Chứ không thể phát sinh ở chế độ Bình sân. Vì chủ trương Bình sân kinh tế lấy việc thiết kế ở thượng tầng kiến trúc rút xuống hạ tầng cơ sở là tiểu gia đình, để mọi người thấy rõ việc làm là vì gia đình của mỗi người.

Có như vậy thì mỗi gia đình mới tích cực làm việc, theo ngược lên bằng tinh thần thực hiện kế hoạch của Nhà Nước đưa xuống. Bởi vì con người thường nghĩ tới gia đình trước xã hội. Nhưng nếu cứ để cho cá tính vị kỷ

của con người sống riêng rẽ thì con người sẽ hoàn toàn bất lực, đối với cả gia đình lẫn xã hội.

Cho nên cần phải thiết kế để mọi người cùng sinh hoạt theo kế hoạch chung và cùng hưởng quyền lợi, khiến không còn ai là chủ ai, không còn ai không có cơ hội để làm việc nữa hết.

Tất cả nhà máy dựng lên là để tạo cơ hội cho thợ thuyền có công việc làm, không bị thất nghiệp đói kém.

Tất cả ruộng đất khai phá ra là tạo cơ hội cho nông dân có thêm ruộng cày không bị nạn người nhiều đất ít nữa.

Có như vậy thì, tất cả những bộ óc tốt, bàn tay mạnh sẽ đi tiên phong trong việc lôi cuốn tất cả mọi bộ óc, mọi bàn tay khác dù kém cỏi hơn cũng sẽ bắt tay vào việc xây dựng xã hội lý tưởng của con người.

Sức mạnh của bộ óc và bàn tay con người sẽ làm ra tất cả những cái gì mà con người muốn.

Để chứng minh thêm cho cái tính của con người là thích làm việc, Thái Dịch Lý Đông A đã nói về Triết học của công việc bắt nguồn từ vũ trụ vào xã hội loài người, như

sau :

“1/ Công việc là cái nút biểu hiện của vũ trụ vận hành và xã hội vận hành.

«Kết cấu lập bằng hết cả cái duyên quả, nhân tố của vũ trụ và xã hội, trên cái quá trình động của vũ trụ và xã hội với tư tưởng.

“2/ Công việc là cái nút biểu hiện của loài người trên diễn trình sống, còn, nối, tiến, hóa. Tất cả lịch sử, với cố gắng của người ta lấy việc làm chủ quan và công việc là Trung tâm. Tất cả các chế độ, tổ chức, quản lý vận dụng phải đứng trên nền tảng chắc chắn của những nguyên lý đúng, bền của công việc.

“3/ Công việc là cái trình tự nối tiếp, quán thông, cả tinh cách của hết thảy chế độ quản lý, tổ chức và vận dụng.”

Như vậy thì tình trạng chậm tiến của một số quốc gia đâu có phải dân tộc đó không ưa làm việc, mà tại chưa biết làm hoặc thiếu cơ hội để làm.

Sự nghèo nàn của giai cấp vô sản, đâu có phải tại lười, mà tại thiếu cơ hội để cho họ làm.

Ngược lại, những giai cấp giàu có hay

những tập đoàn chính trị tại những quốc gia được mệnh danh là tiến bộ, đã biết làm và có cơ hội để làm, nhưng họ lại làm theo lẽ lối độc đoán, ích kỷ, có hại cho cá nhân, giai cấp hay dân tộc khác.

Kết quả của những việc làm như thế là sự đổ vỡ hết thảy, được thể hiện trong cuộc chiến tranh ý thức hiện tại. Nền mặt công việc mới cũng đang được bắt đầu bằng những việc Sửa Sai hay Xét Lại chủ nghĩa của mỗi bên, để có thể gặp nhau ở điểm chung, là Bình-sân. Nhờ đó mà nhân loại mới mong có hy vọng hòa bình, hạnh phúc được.

Cho nên tất cả những thiếu sót, trên tinh thần và lẽ lối làm việc cũ đó, cần phải được cứu xét lại cho đúng CHIỀU HƯỚNG đi về ĐẠO SỐNG gây HẠO HỨNG cho mọi người trong việc làm để tạo nên những tổ chức sinh hoạt có HỒN SỐNG. Chỉ có thế thì nhân loại mới tiến hóa trong hòa bình hạnh phúc được. Diễn trình đó thu gọn lại gọi là : PHƯƠNG LƯỢC TAM H :

Từ H<sub>1</sub> = HƯỚNG,

Đến H<sub>2</sub> = HỨNG,

Và H<sub>3</sub> = HỒN,



đều có tác dụng riêng và hỗ trợ nhau trong bất cứ hoàn cảnh xã-hội nào.

Cần phải khai thác cái tính « thích làm việc » đem ứng dụng vào công việc xây dựng đời sống riêng và chung của con người, cho con người và vì con người mãi, và mãi. Vì ngoài bộ óc và bàn tay của con người ra thì chẳng có cái gì, chẳng có sức mạnh nào biến cái được vật chất để tạo thành đời sống của con người cả.

Vậy : Hành động của con người tất cả.

Không hành động, hay hành động sai nhân đạo là diệt vong.

Con Người hãy ý-thức rõ trách nhiệm trước lịch sử để làm lại lịch sử hiện đại.

#### IV. BIỆN CHỨNG HÀNH ĐỘNG

Vũ trụ là Đại-Biện Chứng. Công việc là vô cùng tận. Cho nên, mỗi chủ-trương, khi mang vào hành động, đều có một biện-chứng riêng biệt của nó.

Cộng-sản chủ-nghĩa đã mang chuyện con tinh trùng, trong quả trứng gà ra chứng minh cho luật tặc hủy thê của hủy thê, để hướng dẫn cán bộ vào công tác phá hoại xã-hội cũ hầu tước đoạt tư-sản đặt vào trong tay Nhà Nước, gọi gọn là chế-độ tập sản.

Còn tư-bản thì để mặc cho luật tự <sup>nhiên</sup> điều chỉnh lấy đời sống của xã-hội, nên mặc dù nền kinh tế vẫn gọi là tự-do, ấy thế mà hiện đã phải thay đổi lại, theo kế-hoạch hướng dẫn và phân ra các loại vật phẩm tùy theo sự cần thiết của dân chúng để mà định giá-trị. (Tuy vẫn chưa ổn-định được xã-hội).

Riêng về Bình-sân biện chứng thì quan niệm rằng : xã-hội kết hợp bởi Nhân Tính, nếu nhu cầu ăn mặc để sống với nhau, ở ngay cái khung cảnh trái đất mà họ đang sống này giải quyết được thì con người tự nó sẽ phải thương yêu nhau trong cái xã hội đó. Vì mỗi việc làm đều có hai mục đích; chung với xã



hội và riêng với cá nhân, chứ không phải để đấu tranh với nhau mà sống như thú vật.

Nhưng mà, việc giải quyết thỏa mãn được tất cả mọi sự cần thiết cho con người đủ ăn đủ mặc trong cái xã hội tự tính kia, cũng không phải là chuyện dễ dàng, khi con người chưa cải biến được những luật tắc của vũ trụ đem giúp cho đời sống con người đang sinh sôi nảy nở ngày một nhiều, trên một trái đất ngày một thêm già cỗi này, thì cũng chưa có hạnh phúc được.

Để giải quyết vấn đề này, Bình sản biện chứng chủ trương đứng trên lập trường Người để vận dụng luật tắc biến chứng của vũ trụ vào xã hội loài Người, qua các vạch giới xã hội tự tính, với sự chuyển đi bằng biểu hiệu luật tắc;

1.— Vận động và kết hợp là hỗ tương nguyên nhân.

2.— Đán vị và cơ năng là hỗ tương nguyên nhân.

Cần biện biệt được sự tương quan trong mỗi trường hợp, để tránh mọi đồ võ, khi vào hành động. Nói một cách khác, là trong việc kiến thiết đời sống cho con người, cần

phải ổn định hai vấn đề :

— Người trong vũ trụ, và

— Người trong xã hội tự tính.

### VẤN ĐỀ NGƯỜI VÀ VŨ TRỤ

Con người có biện biệt rõ vai trò "Người là Chủ Thể còn Vũ trụ là Khách Thể" thì mới cải tạo nổi những luật tắc tự nhiên đem ứng dụng vào đời sống con người được. Thí Dụ : Con người khám phá ra sự liên hệ giữa hình giới ở dưới đất, với khí giới và thượng giới ở trên không, rồi đặt thành kế hoạch cải tạo, bằng cách thay đổi tự nhiên ở hình giới như : khai hoang rừng rậm, bỏ những giống cây không có ích trồng thêm những cây kỹ nghệ hay ăn trái, và lấy bóng mát, cho khí hậu điều hòa, mưa nắng thay đổi, hoa màu tươi tốt, ở đồng bằng cũng như ở đồi núi, ở nơi đất xấu cũng như đất tốt ở mặt đất. Tất nhiên hình giới (plan physique) sẽ làm thay đổi được khí giới (mental) và còn làm ảnh hưởng đến cả thiên giới nữa (astral).

Công việc cải tạo tự nhiên này chẳng những thay đổi được khí hậu mưa nắng, biến cải được luật kinh tế đồ giâm thành đồ tằm (khiến con người dù có sinh sôi

ra bao nhiêu cũng không sợ đói), mà nó còn giải quyết được nạn nhân mãn do sự cư trú vô ý thức của thời kỳ mà con người còn thiếu hiểu biết về vũ trụ và chưa tiến bộ về khoa học. Nên nó sợ nước độc, rừng hoang không dám ở thường bảo nhau « Có đói thì xuống kẻ chợ; đừng lên rừng lên rợ mà chết ». Bởi thế việc cải tạo tự nhiên ngày nay phải được đặt lên hàng đầu của kế hoạch Bình Sân Kinh-tế. Vì có cải tạo được tự nhiên mới phân bố được cư trú và tạo được cơ hội đồng đều cho tất cả mọi người cùng tiến bộ, nhờ ánh sáng của đô thị tràn về đồng quê, tràn lên đồi núi, để cùng sống vui nhờ chế độ công bình và hợp lý.

Việc cải tạo tự nhiên này không thể thực hiện một cách vô tổ chức hay quá kiêu căng theo kỹ thuật Tây phương hiện nay, qua ý đồ « chinh phục thiên nhiên » mà không chịu « hòa hợp, với thiên nhiên được. Vấn đề này tại Huế kỹ biện nay đặt làm ưu tiên, và Nhật Bản trong Hội chợ Quốc Tế 1970 cũng lấy đề tài là « Tiến Bộ và Hòa Hài (Progress and Harmony). Thì đủ biết vấn đề cư trú (Ecologie) quả là câu chuyện trọng đại bậc nhất của nhân loại hiện kim vậy.

Căn cứ vào những nguyên tắc thực tiễn của thí dụ trên, ta có thể sắp đặt thành biện chứng : Thiên Nhân tương-hỗ để cải tiến xã hội loài người qua nhận xét sau :

Thứ nhất, đành rằng định luật tự nhiên có trước loài người là đúng rồi, nhưng con người có khám phá định luật đó được tới đâu vẫn là do cái biết của con người qua từng thời đại một. Tiếc rằng từ trước con người đã khám phá ra định luật của vũ-trụ, mà con người lại tự buộc mình phải tuân theo những định luật đó, để đặt định xã-hội sống theo trật tự của tự nhiên kiểu định mệnh thuyết của Duy Tâm hay tất định thuyết của Duy-Vật. Thế rồi qua bao thời gian thử thách con người mới giác ngộ thấy câu sống còn của Nó, là Nó phải tự tạo lấy mình. Vì vậy mà con người trở thành «bường bình» không theo định luật của tự nhiên trong việc xây dựng lại xã-hội tự tính nữa. Nó đã phải lấy xã-hội Lý tưởng làm môi trường hoạt động.

Thứ hai là việc con người đem cải tạo định luật tự nhiên, ứng dụng vào kiến trúc xã-hội, bắt đầu, ngay từ chỗ con người sợ khổ, sợ đói, sợ chết và cần sống còn. Nó đã ý thức rõ lập

trường nhân chủ của mình để biến cải định luật tự nhiên ngoài vũ trụ thành công cụ mà thành công đáng kể nhất hiện nay là vệ tinh nhân tạo và phi thuyền không gian, với tất cả sự tính toán chu đáo của con người, trước khi đem thực hiện.

Thứ ba là định luật Thiên Nhân tương hỗ, giữa người và vũ trụ, để tạo lập đời sống thiên đường, cực lạc do sự thành lập xã hội tự tính một cách hoàn kiện hơn. Lúc đó thì người nào cũng được thỏa mãn nhu yếu tính và không còn kẻ thừa người thiếu, kẻ sướng người khổ, không còn những con người xấu xa từ hình dáng đến tinh thần nữa. Vì nó đã trở thành thánh thiện hết, nhờ sắc tính giữa trai<sup>nh</sup> được giáo dục hôn nhân hợp tình hợp cảnh, không còn ai cô đơn trong xã hội hòa hài đầy tình thương nhân đạo đó.

Cái xã hội lý tưởng này, con người sẽ thừa sức thực hiện nếu con người đem hết cả những tiến bộ khoa học giết người vào việc kiến thiết xã hội, nếu con người sớm biết chọn cảnh thiên đàng hơn địa ngục, hoặc tệ hơn nữa là hủy diệt bằng một ngày tận thế.

Cho nên nói «Thiên Nhân tương hỗ» chỉ

là nói khiêm tốn đặt con người của thời đại này ngang với trời, như chuyện Đức Phật đã đặt cho Tôn Ngộ-Không cái chức Tề-Thiên Đại-Thánh để ông ta bớt ngông cuồng đánh lại cả trời.

Nói Thiên Nhân tương hỗ, vì tự nhiên là một đại biện chứng, nó vô cùng, vô hạn, con người khám phá được tới đâu, thì biết tới đó. Biết từ vũ trụ nhỏ tới vũ trụ lớn, rồi đến chỗ vô cực (Tâm Lý Thần Linh Học) Mà căn bản của cái biết đó bắt đầu từ sự giác ngộ của con Người như lời triết gia Socrate bảo : «Anh hãy hiểu lấy Anh trước đã». Lời nói này đã thành sự thực, đối với các nhà bác-học đang trên đường chinh phục không gian. Nhưng nó không quan trọng bằng những nhà xã hội học đã căn cứ vào «cái tính của con Người» mà tự nó đã kết hợp thành xã-hội mà mãi tới ngày nay mới biết khám phá ra cái xã-hội tự tính đó.

Căn giác ngộ biện chứng «Người và Vũ trụ tương hỗ» để giải phóng cho con người khỏi những dè dặt tự nhiên, vốn là nguyên nhân đã tạo ra các mâu-thuẫn xã-hội cũ đang cần được chấm dứt.

## VẤN ĐỀ NGƯỜI VÀ XÃ-HỘI

Con người cần biện biệt được những luật tắc tự nhiên rồi đem vào việc xây dựng xã-hội theo biện chứng Hồ-Tương để tránh bớt những đổ vỡ do các biện chứng thiên lệch kiểu Duy-Vật, chỉ biết có vận động mâu-thuẫn mà không biết có kết hợp, chỉ biết có cơ năng mà không biết có hần vi, và trong vận động chỉ biết có tự kỷ mà không biết có ỷ tha. Do đó mà nạn giai cấp đấu-tranh (để đi tới việc thủ tiêu giai cấp khác, hầu thành lập một xã-hội không giai-cấp) không đưa con người tới đâu cả.

Chủ trương thiên lệch, do biện chứng này, chẳng riêng gì cộng-sản mang áp dụng, mà ngay ở trong thế-giới Tự-Do cũng mắc phải lỗi lầm. Cho nên cuộc sống cứ tiếp tục chà đạp lên nhau mãi. Chủ-nghĩa Tư-bản chỉ biết vi kỷ cá nhân mà không biết vi tha. Trong việc cấu tạo xã-hội giai cấp này, tôn giáo nọ, quốc-gia kia đều thi đua bành trướng thế lực và quyền lợi riêng của tổ-chức mình, mà không biết đến tổ-chức khác. Chủ trương cộng đồng tôn giáo tuy đề ra nhưng chưa thấm nhuần vào cộng đồng chính-trị. Luật sinh-tồn của tạo hóa chưa đặt thành biện

chứng hỗ tương sinh tồn hay cộng đồng sinh tồn của con người. Nền kẻ mạnh vẫn áp bức người yếu. Vì còn thiếu một chủ nghĩa nhân đạo, thiếu giác ngộ luật Hồ-Tương biện chứng nên vẫn còn giai cấp đấu tranh, vẫn còn khó khăn trong việc tìm kiếm hòa bình, Bởi không thể tìm ra «nó» ở trong sự kiến trúc của xã hội cũ, của các chủ nghĩa thiên lệch (Tự do Tư bản chưa Sửa Sai kịp thời, và Cộng Sản chưa Xét Lại đúng mức).

Bình Sân biện chứng, khi mang vào hành động luôn luôn nhìn sự việc theo quan niệm hỗ tương, giữa giai cấp này với giai cấp khác trong quốc nội, giữa quốc gia này với quốc gia khác ngoài quốc tế, theo phương trình sau đây, để cấu tạo thành nhân sinh biện chứng:

- Thứ nhất : Đặt mục đích chung.
- Thứ hai : Nền phương tiện riêng.
- Thứ ba : Phân phối nhiệm vụ,
- Thứ tư : Tương trợ kỹ thuật.
- Thứ năm : Hỗ tương tiến hóa.

Với năm bước biện chứng này, đem thực thi một cách đúng đắn, sẽ đem lại thành quả tốt, trong mọi trường hợp và cho cả mọi người .Vì;

Tiền đề thứ nhất cần được đặt ra và phải



giải quyết ngay là: Đặt mục đích chung. Thí dụ tất cả nhân loại đều đang theo đuổi một mục đích là cải tạo tự nhiên để sống còn. Một công tác mà Nga và Mỹ đang thi đua chinh phục không gian nói xa, và nói gần thì các dân tộc đang cải tạo đất đai của quốc gia mình để, khỏi hường mũi nhọn vào nhau, rồi sau đó mới có thể thảo luận đến mọi việc kế tiếp khác.

Thứ hai: Nêu phương tiện riêng thì cần biết rõ mỗi quốc gia, mỗi giai cấp hay mỗi cá nhân có trong tay sức mạnh hay yếu, nhiều hay ít, để tùy theo tiền đề thứ nhất mà đưa ra quy mô to tát hay nhỏ bé để cùng đóng góp. Thí dụ: tiền đề thứ nhất đặt ra là Phục hưng Kinh-tế quốc-gia thì việc thứ hai phải nêu ra, sau khi mục đích chung, là sự Phối hợp Nhân-lực của giới lao-động với vật lực của giới Tư-bản và kỹ thuật của các nhà chuyên môn v.v... Tất cả mọi khả năng riêng rẽ đó nếu rời rạc vô-tổ-chức thì thực ra không đáng kể, nhưng khi hợp lại theo kế hoạch chung, để thực hiện mục tiêu đã định trước, thì ích lợi vô cùng.

Thứ ba là: Phân phối nhiệm vụ. Sau khi đã biết rõ khả năng riêng để thực hiện mục đích một cách xác thực, không lậm lẩn đến

độ có thể làm hỏng công việc, thì điều cần lưu ý là: Việc phân phối nhiệm vụ phải đi đôi với quyền lợi để khích lệ tinh thần và tránh khỏi những mâu thuẫn về sau, do sự thiếu phân minh từ trước gây ra.

Thứ tư là việc Tương trợ kỹ thuật phải tùy theo mục đích và công việc, thuộc phạm vi khoa học tự nhiên hay nhu yếu xã-hội tự tính. Vì hoàn cảnh của mỗi địa phương trên trái đất và trình độ kỹ thuật của mỗi người, mỗi quốc gia tiến bộ không đồng đều. Nên cần có sự tương trợ lẫn nhau, về kỹ thuật thì công việc mới đạt tới mục đích một cách đồng đều để cùng sống và giúp tiến theo lẽ sống của con người.

Thứ năm là việc Hỗ tương tiến hoá, theo định luật của tự nhiên và định luật do con người tính toán tạo ra, nên mọi việc đều cần có sự hỗ tương mới Cộng Đồng Tiến Hóa được. Chủ trương hỗ tương tiến hóa này sẽ sớm đưa việc làm đến thành quả chung, do tiền đề thứ nhất đã nêu ra trên. Còn nếu cứ đổ kỵ và ghen ghét nhau mãi, tất lại rơi vào vết xe của xã hội cũ. Vì bị quyết thành công trong việc mang áp dụng Nhân Sinh Biện Chứng là: Làm thỏa mãn tất cả mọi người, với lòng trung thực của nguyên tắc đã chỉ vạch.



Chủ trương Bình-Sân kinh tế đã cấu tạo trên căn bản biện chứng đó. Nên Bình Sân kinh tế có thể nói là chủ trương của tất cả mọi người, của tất cả mọi giai cấp và của cả thế giới loài người nữa.

## V. QUAN NIỆM LỊCH SỬ

Lịch sử là một chuỗi dài những thời đại kế tiếp, cho nên có xét rõ được nguồn gốc của lịch sử mới hiểu rõ được tương lai nhân loại đi về đâu. K. Marx rất tự hào về những khám phá lịch sử của ông ta, bắt đầu từ cái gọi là xã hội Cộng sản nguyên thủy sống theo kinh tế tự nhiên để rồi đưa ra một nhận xét về lịch sử, là: Nhân loại muốn hòa bình hạnh phúc thì phải phá bỏ hết mọi kiến trúc thượng tầng của xã hội tư bản đi, để trở về nền tảng của xã hội Cộng sản cũ, hầu xây dựng một xã hội Cộng sản tiến bộ mới.

Quan niệm về lịch sử này, thoạt nghe có vẻ hữu lý, nhưng xét kỹ thì ông ta đã đặt sai nền tảng của lịch sử nhân loại, Vì ở thời Duy nhiên, con người còn sống như thú vật, chưa có ý thức gì về tổ chức xã hội và kinh

tế hết. Ngay cả đến những danh từ «Xã hội Cộng sản Nguyên thủy» và «kinh tế tự nhiên» cũng không được đúng với sự thực. Vì đã gọi là xã hội thì phải có tổ chức, mà con người ở thời đó còn sống như bầy thú vật, hỏi làm sao có thể gọi là Xã hội Cộng sản Nguyên thủy được. Còn danh từ kinh tế tự nhiên cũng rất phi lý. Bởi kinh tế phải do bóc lột và hàn tay con người biến cải vật chất mới có. Việc leo cây hái quả của con người ở thời kỳ còn sống như thú vật, không thể coi là «kinh tế» được. Có biện biệt rõ những sai lầm của Duy vật sử quan trên mới thấy rõ những sai lạc của chủ nghĩa Cộng sản hiện tại, và xã hội cộng sản tương lai cũng chỉ là chuyện không tưởng thôi. Chủ trương xét lại chủ nghĩa, do các đệ tử của K. Marx đề xướng tại Nga Sô, đã chứng minh điều đó. Nên bất tất phải luận nhiều vô ích.

Điều đáng bàn tới hiện nay là cái Xã hội Bình Sân nguyên thủy, sống theo kinh tế nông nghiệp bắt đầu từ thời kỳ nào? Sau rồi mới có thể đưa ra một sử quan mới, hầu ổn định tình thế hiện tại và xây dựng một xã hội Bình sân tương lai. Có thể mới bền vững và hợp lẽ tiến hóa được.

Vì theo Thái Dịch Lý Đông A thì xã hội Bình sản Nguyên thủy xuất phát sau xã hội Cộng Sản nguyên thủy của K. Marx. Nghĩa là sau khi nhân loại bỏ rừng núi thoát ly khỏi lối sống của động vật, để biết ăn chín, có gia đình và kết hợp từng đoàn, kéo nhau xuống đồng bằng cày cấy dọc theo ven sông, rồi ra tới mãi ven biển.

Công việc khai phá ruộng đất, đối với con người thời đó, phải cần dùng tới sức mạnh của bắp thịt với những dụng cụ thô sơ bằng đá, quả thực là nhọc nhằn. Một người làm không đủ, phải cần đến sức mạnh của cả tập thể. Nên ruộng đất, sau khi khai phá xong, cũng đem quân phân theo tiêu chuẩn Bình để thành lập xã hội: Người Trung hoa có phép chia ruộng đất theo hình chữ Tỉnh, ruộng ở giữa chữ Tỉnh là quan điền, ruộng xung quanh đem chia đều cho dân cày cấy; Người Đức có chế độ Teuton, Người Việt có chế độ Lạc-điền, cũng tương tự như nhau vậy. Điều cần lưu ý là xã hội Bình sản Nguyên thủy về sau có nhiều dân tộc không còn bảo vệ được, vì chế độ phong kiến ngoại xâm và Tư-bản địa-chủ đã tước đoạt hết ruộng đất của công hoặc tư, rồi lập ra những đồn điền

của họ. Nào đã hết, họ còn bóc lột Nông Nô một cách tàn nhẫn nữa. Do đó mà chủ-nghĩa Cộng-sản của K. Marx, xây dựng trên nền tảng giai cấp thợ thuyền dưới chế độ Tư bản kỹ-nghệ, đã phải thêm vào lá cờ cái Liềm bên cạnh cái Búa mới có thể khuyến khích nông dân ở Nga Xô đứng lên hoàn thành cách mạng vô sản năm 1917. Tiếp theo là giai cấp Nông Dân ở Trung hoa cũng đã noi gương Nga để tạo ra chế độ Cộng-Sản hiện nay.

Nhưng, sau một thời gian thí nghiệm, Nga Xô đã nhận thấy chủ-nghĩa Cộng-Sản càng ngày càng mất giá-trị của nó.

### 1) VỀ PHƯƠNG DIỆN THUẦN TÚY LÝ THUYẾT.

Chủ nghĩa Cộng-Sản đã mù tịt về tương lai, nên không biết xây dựng cái xã-hội cộng-sản lý-tưởng như thế nào? Vì K. Marx lúc đương thời cũng không rõ ra làm sao, nên có bảo rằng « Nói trước không phải là Duy-vật ».

### 2) — VỀ HÀNH ĐỘNG :

a. — Đối với các quốc gia Tư bản Âu Mỹ,

thì đảng Cộng-sân càng ngày càng bị giảm sức tranh đấu. Vì chủ trương Tư-bản «Sửa Sai» đã quân bình được đời sống, giữa hai giai cấp tư-bản và vô-sân, khiến Cộng-sân không còn đối tượng để phá nữa. Do đó mà Nga Xô đã không thực hiện nổi chủ trương : «Lấy Vô sản Thế-giới để thực hiện cách mạng vô-sân thế giới».

b) Đối với các nước Cộng-sân đang nằm chính quyền thì Nam Tư đã tiên phong trong việc tách rời khỏi sự chỉ đạo của Nga Xô sau đệ nhị thế chiến. Rồi đến Trung Cộng càng ngày càng ra mặt giành quyền lãnh đạo thế giới của Nga Xô. Cho nên Nga Xô phải đối kẻ thù số một của chủ nghĩa Cộng-sân, là Mỹ quốc ra thành bạn, để lo đối phó với những nước Cộng sản chống chọi lại mình.

c) Đối với nội bộ Nga-sô thì tinh thần của giai cấp thợ-thuyền đang phục vụ Nhà Nước Cộng sản, cứ càng ngày càng thêm sút kém, rồi mất hứng thú đối với cả chủ nghĩa Cộng sản nữa. Họ lại muốn trở về nếp sống Tư-bản hóa, để đời sống cá nhân và xã-hội có thể hòa hợp được với nhau.

Cho nên các nhà lãnh đạo Nga Xô hiện nay phải mang tội bất trung với chủ nghĩa K.Marx

để mà «Xét Lại» những lỗi lầm. Như thế mới có thể ổn định được đời sống của dân Nga và tránh né một cuộc chiến tranh bằng sắt máu có thể xảy ra với Mỹ. Đứng trước sự phân hóa của hàng ngũ quốc tế Cộng sản, và tâm-lý yêu cầu «Xét lại» chủ nghĩa của dân Nga đó, đáng lẽ Mỹ quốc phải vận động các nước đồng minh trong thế giới Tự-do và Tư-bản để tấn công Nga-Sô về mọi mặt, buộc kẻ thù của chủ nghĩa Tư-bản phải đầu hàng. . . thì ngược lại than ôi! ngay trong hàng ngũ thế-giới Tư-bản cũng đang gặp phải nhiều khó khăn không kém gì thế giới Cộng-sân!

Nào là các nước Đồng Minh của Mỹ ở Âu-Châu, như Anh, Pháp, đã theo nhau tách rời khỏi trận thế chiến thứ ba, giữa tư-bản và Cộng-sân, để trở về lo phục hồi dân-tộc, nên rất sợ hãi chiến tranh. Rút cuộc lại chỉ còn trơ có Nga và Mỹ chống đối nhau. Nhưng vì cuộc chống đối kéo dài mãi mà chẳng đưa tới kết quả nào cho cả Nga cả Mỹ, mà nó chỉ có lợi cho đệ tam nhân là Trung-Cộng và những quốc gia khác đứng ngoài vòng chiến thôi. Thế là Mỹ và Nga lại xoay ra đánh lá bài «Hòa, để lo kiến thiết nội bộ và đề phòng Trung-Cộng ngày một thêm lớn mạnh.

Cho nên Mỹ quốc cũng như Nga Sô hiện đều đang mắc một chứng bệnh nặng như nhau. Hỏi làm sao có thể tiếp tục chiến tranh kiểu này với nhau được mãi nữa?

Nguy hại hơn nữa là lớp thanh niên đang lớn lên tại Mỹ hiện đang lâm vào tình trạng «không lối thoát về Tư.Tưởng, thiếu lẽ sống cho tương lai». Chúng đâm ra đọa lạc, mà các bậc cha anh thì chưa tìm ra nổi cho chúng một sinh lộ nào cả!

Tại hại hơn cả là đến giai cấp Chủ và Thợ ở Mỹ cũng đều không hết lo lắng về tương lai đời sống của người và đời sống của mình! Mặc dù mức sống của họ cao hơn dân nhược tiểu, nên đôi khi họ cũng tự hỏi: Sống để làm gì? Sống có ý nghĩa gì? Chẳng lẽ họ cũng lại chạy đua theo bọn thanh niên nam nữ vị thành niên thiếu suy nghĩ chẳng?

Cho nên nói về giàu có thì nước Mỹ có thừa, nói về khoa học thì tiến bộ nhất thế giới. Nhưng càng giàu có lại càng phải lo duy trì sự nghiệp khỏi bị phá sản, mà càng tiến bộ về khoa học thì đời sống lại càng vất vả chạy theo máy móc. Vì vậy mà đời sống tình cảm của dân Mỹ, từ mặt trai gái đến khía cạnh bạn bè thấy đều vơi giảm đi, vì những con toán của vật chất chi phối.

Du khách không ai có thể phủ nhận giá trị giàu mạnh của Mỹ quốc, nhưng sự thực thì họ không đoán trước được tương lai Mỹ quốc sẽ đi về đâu, với nếp sống mất dần Nhân Tính kia?

Còn đối với Nga Sô thì tỏ rõ ra là thua kém Mỹ về nhiều mặt rồi, nên cũng chẳng cần bàn tới làm gì. Hơn nữa, phạm vi giới hạn của tài liệu này không cho phép đi sâu vào chi tiết đời sống của hai cái 'thiên đường' Cộng Sản và Tư Bản. Nên chỉ cần ghi nhận một vài dấu hiệu báo trước là: Cả hai xã hội ấy đều chưa phải là thiên đường thực sự, để cho dân nhược tiểu mơ ước. Vì chính những người đang sống trong đó cũng phải lo «Sửa sai và xét lại» nội bộ mà chưa xong thì còn nói gì đến việc mang cái đời sống lý tưởng đó truyền bá cho dân nhược tiểu, ngoài cái số khi giới, tiền bạc, máy móc và chuyên viên kỹ thuật. Nhưng xét kỹ ra thì việc viện trợ khi giới tương lai gần đây sẽ không cần thiết lắm, khi hoà đàm Quốc Cộng có thể đi tới ngưng bắn.

Còn về tiền bạc thì hiện nay Mỹ đã bắt buộc Nga để cùng giảm viện trợ dần cho các nước đàn em phải tự túc lấy.



Chỉ riêng về máy móc và chuyên viên thì ~~còn có thể~~ xài được. Vì dân nhược tiểu ~~có thể~~ cần để phục hưng kinh tế, nhưng nếu những món viện trợ này mà không đáp ứng đủ nhu cầu cho dân chúng tại các quốc gia chịu ảnh hưởng của Nga và Mỹ thì tất họ sẽ phải chuyển hướng theo chủ trương Bình Sãn. Để tự cứu bằng cách làm thỏa mãn tâm lý dân chúng giữa hai giai cấp giàu nghèo để mà có thể « hòa » với nhau được.

Nói một cách khác, là muốn hóa giải chiến tranh ý thức hệ thì cũng phải bằng một ý thức hệ khác thì chiến tranh mới có thể chấm dứt được còn nếu cứ kéo dài tình trạng này ra mãi, thì cả Nga lẫn Mỹ, đều bị thất bại cả. Vì Trung cộng đang đợi chờ sự suy yếu của hai cường quốc trên, để đứng lên thống trị cả loài người. Hãy lấy ngay kết quả của chiến trường Việt làm thí dụ cho cuộc trắc nghiệm đó, khi người dân giữa hai miền Nam, Bắc còn phải hy sinh nhiều hơn, cho trận thế có ngưng mà không có hòa, thì biết bao giờ mới có hòa bình hạnh phúc thực sự ?

Để giải quyết những bế tắc của lịch sử Việt nói hẹp, và của cả nhân loại nói rộng,

các cường quốc nên để mặc cho người dân Việt tự giải quyết lấy.

Vì dân Việt đã có quan niệm rành rọt rằng :

Sự thực thì không hề có cái xã hội cộng sản nguyên thủy sống theo kinh tế tự nhiên nên họ đã vỡ mộng kiến tạo một xã hội cộng sản lý tưởng, tiến bộ trên nền tảng cũ của đất Việt đau thương này.

Còn việc muốn có một đời sống giàu mạnh kiểu Âu Mỹ thì dân Việt còn phải đợi chờ vài trăm năm nữa, vì dân Việt đã nghèo tiền lại chậm tiến cả về mặt kỹ thuật, nên không thể « sống như Mỹ » được. Hãy mang một chuyện nhỏ về cách ăn uống hàng ngày của cả hai dân tộc Việt-Mỹ làm thí dụ là : Một con gà nếu ăn theo kiểu Âu Mỹ, đem chia ra mỗi người một khẩu phần riêng, thì con gà chỉ chặt làm bốn và chỉ đủ cho bốn người ăn thôi. Như vậy, hỏi làm sao đủ ăn cho một gia đình người Việt đông hàng tá người, mà không có tiền để mua thêm một hay hai con gà nữa ?



Cho nên người Việt chỉ có thể giải quyết chỗ thiếu thốn đó bằng cách chặt nhỏ con gà đó ra thành nhiều miếng, rồi để chung vào một đĩa, ăn theo lối « cộng đồng », người nọ nhường nhìn người kia. Như vậy thì con gà chẳng những đủ ăn cho một gia đình đông đảo mà có khi còn thừa để dành bữa khác nữa? Đây nếp sống cố hữu của dân Việt đã từng sống từ ngót năm ngàn năm qua mà vẫn tồn tại được là như thế đó.

Vậy nên chỉ khi nào dân Việt biết tự trở về xây dựng lấy đời mình, xây dựng lại nếp sống cũ đó, trên nền tảng của xã hội Bình sản đã được chứng minh tại nguồn gốc của nó, thì lúc đó người Việt mới có một đời sống tiến bộ về tương lai. Và thành quả sẽ còn đóng góp được vào công việc xây dựng hòa bình thế giới không ít.

\*

## VI. NỀN TẢNG CỦA CHẾ ĐỘ.

Nếu giai cấp tư-bản trước đây đã nhờ chủ nghĩa Tự do mà có cơ hội đem hết khả năng ra làm cho các nước Âu Mỹ thành cường quốc. :

Còn giai cấp Vô.sản thì đã làm cho nước Nga hùng mạnh nhờ chủ nghĩa Cộng sản.

Vậy thì giai cấp đẩy tăng tại những quốc gia nhược tiểu có ý thức cách mạng dân tộc tất sẽ thấy có trách nhiệm\* trong việc thực hiện chủ trương kinh tế Bình sản làm tiên phong cho các quốc gia khác. Nhất là quốc gia Việt vốn đã được chọn làm chiến trường thử nghiệm cho tất cả các chủ nghĩa trong cuộc chiến tranh ý thức hệ hiện tại. Và kết quả đều không thể đem hòa bình hạnh phúc cho dân tộc này.

Lý luận trên mới gần đây vẫn còn bị dồ dệ của các chủ nghĩa cũ phủ nhận. Vì họ cho rằng chiến tranh này phải có kẻ thắng người bại, mà phe nào cũng cho rằng Đồng minh của phe mình nhất định thắng. Nên ít ai đoán trước được chuyện cầu hoà của các cường quốc!

Mà đã không có kẻ thắng người bại thì bây giờ chỉ còn một giải pháp hoà bình là duy nhất.

Còn hòa bình như thế nào thì chưa có bên nào đoán trước được. Do đó mà có sự phản tỉnh của các giai cấp và quốc gia mất tin tưởng ở chủ trương tư bản và C.S. khác tìm lối trở lại với lập trường dân tộc rồi tán thành đường lối tranh đấu của Bình sản.

Cứ thế ngày một nhiều. Vì chủ trương Bình-sản đã thích hợp với nguyện vọng và quyền lợi của cả mọi giai cấp lại còn có thể đoán trước được tương lai. Thêm vào đó, việc giảm dần chiến tranh sắt máu của các cường quốc có trách nhiệm càng làm cho giai cấp đáy tầng manh bạo đứng lên thực hiện sứ mệnh lịch sử, trong khi giai cấp mặt tầng càng ngày càng tỏ ra khó lòng thực hiện nổi chủ trương cũ.

Hiện tượng này như báo trước là cả hai chủ trương Tư-bản và Cộng sản đều không còn lý do tồn tại, vì không thích hợp với khung cảnh xã hội Việt hiện tại. Cho nên chủ trương Bình sản phải là thành quả của cuộc chiến sắp đến ngày chấm dứt.

Người dân Việt có ý thức phải chuẩn bị vai trò lịch sử của mình bằng tất cả phương

tiện: Người, Đất, Vật, Tiền. Để cứu vãn tình hình kinh tế của một quốc gia đã gần kiệt sức vì chiến tranh, mà rất ít hy vọng được các cường quốc giúp đỡ, khi chính họ cũng chưa có một chủ trương tự cứu nào!

Nói một cách khác là bản thân các cường quốc cũng đã mệt mỏi vì chiến tranh, nên không còn tinh thần tiếp tục cuộc chiến tranh chính trị dù ít tổn kém hơn.

Cho nên giai cấp Tư bản Việt ít nhiều cũng đã mất tin tưởng ở sự giúp đỡ của các quốc gia đồng minh của mình, nên hoặc họ sẽ tìm trở về với toàn thể dân tộc để tự cứu, hoặc giai cấp Tư bản Việt không muốn còn là dân Việt, rồi mang theo tiền của ra sống nơi quốc gia khác cho được yên ổn hơn. Còn giai cấp vô sản thì cũng chẳng có gì để mang đi đâu, nhưng nếu cứ tiếp tục theo đuổi chủ nghĩa ngoại lai để kéo dài cảnh chiến tranh giết hại dân tộc mãi, tất cũng bị lịch sử đào thải. Vì vậy mà chỉ còn có cách mạng dân tộc mới có đủ khả năng thực hiện vai trò phục hưng kinh tế tự túc trước, rồi thì chẳng những các cường quốc quen thuộc vẫn cứ phải tiếp tục viện trợ mà cả đến các quốc gia từ trước vẫn đứng ngoài vòng chiến, cũng thấy

cần giúp đỡ chúng ta. Khi tất cả thế giới đều nhận thấy Hòa Bình đã xuất hiện tại nước Việt khiến sự viện trợ của họ không dùng vào chiến tranh nữa.

Đó là một sự thực. Để trả lời cho những ai còn ham muốn chiến tranh, mà không có cả đến một nhỡn quang chính trị sắc bén để nhìn xa thấy rộng hòng đón lấy thời cơ.

Và phải chăng chỉ còn có giai cấp tiểu tư sản, nông dân ở đáy tầng xã hội là thấy rõ chiều hướng của lịch sử. Để rồi làm lại sử Việt.

Phải chăng Quốc dân ta sẽ đứng dậy theo nhịp kèn thể hệ rồi tiến lên xây dựng nền tảng cho một chế độ mới. Để mở ra một thời đại mới, làm vinh hạnh cho dân tộc. Trước muôn vàn khó khăn mà chúng ta vẫn có thể làm lại được lịch sử.

\*

## VII. HÀNH ĐỘNG VÀ TRÁCH NHIỆM

Đời sống nhân loại càng tiến bộ càng đi dần tới chỗ máy móc hóa. Nhưng bản thân con người thì không máy móc hóa nó được đâu. Vì khoa học con người khác với khoa học tự nhiên. Bởi con người :

- Có tình-cảm dễ vui buồn.
- Có lý trí dễ hành động
- Có chí khí dễ ham muốn

Cho nên con người phát minh ra nổi khóa học, chứ khoa học chưa thể sáng tạo ra nổi con người.

Chính vì sự khác biệt về khoa học tự nhiên và khoa học xã hội con người đó mà các quốc gia Âu Mỹ đang chuyển dần từ địa hạt khoa học sang địa hạt Triết học để xây dựng lại xã-hội nhân tính và khai thác hiệu năng của con người, trong mỗi cơ quan hay nhà máy, ở con người nhiều hơn. Còn Á Đông thì đi ngược lại, đang từ địa hạt Triết học đạo lý bước sang Khoa học Kỹ thuật để đời sống, có đủ tiện nghi như người Âu Mỹ.

Cho nên ở địa hạt chiến tranh ý thức hệ này, vấn đề khoa học xã hội con người là một đề tài khiến tất cả nhân loại Đông Tây đều phải đặc biệt chú ý đến. Vì nếu khoa học tự nhiên tiến mà khoa học con người không tiến thì nhân loại có thể bị tiêu diệt bởi vũ khí hạch tâm đã được chế tạo quá nhiều. Chúng minh là việc thay đổi thái độ đi từ địa hạt chiến tranh. Quân sự sang Chiến tranh Chính trị như hiện nay. Thì vấn đề hành động và trách nhiệm của mỗi con người phải được đặt thành nguyên tắc chỉ đạo ở mỗi tổ chức mỗi cơ quan quả là cần thiết. Ở đây, trong tài liệu này, không có tham vọng bàn rộng ra nhiều địa hạt tổ chức khác, mà chỉ bàn riêng về hành động và trách nhiệm của những người muốn thực hiện chủ trương bình sản kinh tế vào khung cảnh xã hội nào đó.

Cho nên những nguyên tắc sau đây đặt ra có tính cách chung cho tất cả những ai muốn thực hiện chủ trương đó. Nên không cần phân biệt cấp bậc lớn nhỏ hay sang hèn. Vì giá trị giai cấp là ở việc làm thành công hay thất bại chỉ sau mỗi việc làm mới định đoạt được thôi.

Những nguyên tắc đó là ;

- 1) Thấu triết lý thuyết.
- 2) Hiểu rõ kế hoạch,
- 3) Phát dương tinh thần hy sinh,
- 4) Đặt mình đúng chỗ,
- 5) Cắt người đúng việc,
- 6) Không đặt tư kiến vào việc chung.
- 7) Không coi người là phương tiện cho mình dùng.
- 8) Phải nâng đỡ lẫn nhau về cả tinh thần lẫn vật chất.
- 9) Phải huấn luyện cho nhau về những kinh nghiệm học hỏi cần thiết.

Người nào thực hiện đúng theo nguyên tắc hành động trên, người đó sẽ có trách nhiệm lớn và tự bảo đảm thành công bằng tài đức của cá nhân đi đôi với khả năng của tập thể. Cho nên không một nguyên tắc nào được giải thích rõ, trên giấy trắng mực đen, mà người hành động phải tự tìm hiểu và chịu trách nhiệm lấy, theo đúng tinh thần «Mỗi người là một cấp lãnh đạo».

Vì đó là tinh thần tự giác, tự nguyện và tự cung, rất tự do, rất tiến bộ, và đúng khoa

học con người vậy. Người viết sử dĩ nêu vấn đề trách nhiệm chung đó là vì nghĩ mình cũng chỉ là một phần tử trong Đại gia đình dân tộc muốn thoát khỏi cảnh khổ não chiến tranh hiện tại, chứ thực tâm chẳng phải vì danh vì lợi cá nhân. Và ngay đến chuyện chống cộng cũng chẳng phải là để bảo vệ quyền lợi cho một giai cấp nào khác cả.

Một gói bắp rang, một chai nước lọc để trước mặt hàn. Đói sẵn lấy ăn, khát có nước uống, cũng đủ sống qua ngày. Mỗi khi sống như vậy, chúng ta tự hỏi: Những ngày đại loạn xưa, ông cha chúng ta ăn gì để sống và theo chủ nghĩa cách mạng nào nhỉ?

Chẳng là ăn bắp, ăn khoai, ăn rau, ăn cỏ có khi ăn cả rắn cả rết, còn khổ hơn cả chúng ta ngày nay, và chẳng theo chủ nghĩa ngoại lai nào hết, nên dân tộc chúng ta mới tồn tại đến ngày nay.

Tục ngữ Việt thường nói: «Thà chết cả đồng còn hơn sống một người». Hẳn đã nói lên tinh thần của nếp sống xã hội Bình sản cùng sống và giúp tiến lẫn nhau, đó vậy.

Hy vọng rằng: với chút kinh nghiệm đem viết ra đây, ở trong tập tài liệu này, rồi sẽ đóng góp phần nào vào việc làm sống lại lễ sống của dân tộc. Lễ đó đã bị xa lìa gốc cội dân tộc, nên rất khó mà đoàn kết thống nhất với nhau được.

Mong độc giả thông cảm để cùng làm cái công việc của thời đại chúng ta. Nếu chúng ta không muốn bị tiêu diệt vì bã vinh hoa phũ phịch hay thiên đường bánh vẽ từ phương xa đưa tới, làm chia rẽ dân tộc chúng ta mãi.

### KẾT LUẬN PHẦN THỨ NHẤT

Phần căn bản lý thuyết trên, tuy chưa phải là đầy đủ, nhưng cũng đã nói lên những nét chính của chủ trương kinh tế Bình sản như thế nào rồi.

Cho nên từ phần quan niệm về Bình sản là gì, đến phần triết thuyết cũng đã được trình bày thứ tự, từ mối liên hệ giữa con người với Xã Hội Tự Tính đến mục đích của sự sống, tất cả là phải tạo nên một thiên đường cho đời sống thực tại. Có như vậy thì con Người mới có cơ hội mang hết khả năng của mình ra phụng sự xã hội, thay



vi lười biếng, hoặc gây chiến tranh phá hoại ngay đời sống và sự sống của mình.

Bởi vì lịch sử đã chứng minh rằng: Thế gian này của nhân loại «không phải là bề khô», một khi con người đã biết cải tạo tự nhiên để xây dựng một thiên đường thực sự. Lịch sử cũng còn chứng minh nữa là: Cái xã hội đầu tiên của loài người không phải là «Xã hội Cộng sản nguyên thủy» sống theo «kinh tế tự nhiên» mà là «xã hội Bình-sản Nguyên thủy» sống theo «kinh-tế nông nghiệp».

Nên ngày nay cần phải mang bộ óc khoa học và bàn tay khéo léo ra cải tạo tự nhiên và phân bố lại cư trú, kiến trúc lại đời sống của con người.

Nhưng mà muốn làm nổi công việc cải tạo xã hội đó thì trước hết cần vận động cái sức mạnh của giai cấp đa số đáy tầng với lẽ làm việc có trách nhiệm của mỗi người tự nguyện hy sinh.

Có thể mới mau đạt tới thành công mỹ mãn.

Nói tóm lại, mục đích của tài liệu này là muốn tìm ra một lối thoát cho cuộc chiến tranh đang bế tắc làm tổn hại tài sản sinh mạng của loài người rất vô ích. Mà Việt Nam là nơi trắc nghiệm cho cuộc chiến tranh đó. Cho nên người Việt phải có trách nhiệm giải quyết lấy, khi các nước đồng minh của cả hai trận-thế đã tỏ ra bất lực dẫn tới chỗ không còn muốn giúp bên nào nữa.

Như vậy thì người Việt trước hết phải tự cứu bằng việc thành lập lấy cơ sở kinh-tế của mình. Bắt đầu từ lý thuyết chỉ đạo cho người dân thấy; Trên tinh thần, chúng ta không còn bị nó lệ bất cứ ngoại bang nào.

Nếu không thì sẽ không tìm đâu ra Công Bản và cũng không có cách nào tận dụng được Công Lao thì hỏi lấy gì để thực hiện Công Phối và bảo đảm Công Độ chủ nghĩa? Cho đồng bào Việt được, vững giá, nhờ sản xuất một gia tăng. Khi dân vẫn cứ găm tiền trong nhà, hay đem gửi ngoại quốc thì dù Mỹ Quốc có viện trợ mấy cũng không thể giải quyết nổi tình trạng kinh-tế phá sản như hiện thời: Và rồi

đây dù nước Việt có những nhà kinh-tế đồ bằng cao nhất tại những quốc-gia tiến bộ cũng khó mà giải quyết được tình trạng kinh-tế chậm tiến của nước nhà. Rồi từ chỗ không giải quyết nổi việc *Chi ra* quá nhiều mà *thu vào* thì quá ít, khi chưa bóc đã cần, thì còn dư đâu để tính chuyện tăng gia sản xuất sau này?

Cho nên vấn đề kinh-tế chỉ có thể giải quyết được qua kế hoạch hai giai đoạn của thuyết Bình-sân thôi.

Một là, ở giai đoạn đầu, cần phải đặt nặng chính trị trên kinh tế. Đề dân chấp nhận chủ trương kinh-tế theo đường lối chính-trị mà dân thích. Rồi sau đó dân mới tự nguyện hy sinh đóng góp vào việc xây dựng chế độ, như đã từng hy sinh xưa qua lịch-sử đấu tranh trong những ngày đen tối nhất.

Hai là, ở giai đoạn thứ nhì, mới đến việc tiếp tay của các nhà kinh-tế chuyên môn, đứng ra lãnh trách nhiệm xây dựng kinh-tế, trên nền tảng của chế độ xã hội mà dân đã lựa chọn.

Còn nếu lại đem thực hiện chủ trương kinh tế thuần túy « chuyên môn trước chính

trị » thì e rằng kết quả sẽ không đáp ứng nổi nhu cầu của dân chúng, đang đòi hỏi tiến bộ, đang muốn được đóng góp, mà không có cơ hội.

Sự thất bại của bao chính phủ liên tiếp vừa qua về phương diện kinh-tế đã chứng minh điều đó. Nếu không kịp thời sửa chữa thì bánh xe sau lại vẫn lăn vào vết xe trước, chỉ gây đồ vỡ thêm mà thôi.

PHẦN THỨ HAI

***Căn bản kỹ thuật***

## CĂN BẢN KỸ THUẬT

Việc mang chủ trương Bình Sản vào đời sống con người (để xây dựng một xã hội có quân bình về tài sản và không gây xáo trộn nếp sống cũ hiện tại) là cả một nghệ thuật siêng việť của khoa kinh tế xã hội hiện thời.

Do đó, việc nghiên cứu kế hoạch thực hiện chủ trương Bình sản kinh tế là một vấn đề khó khăn, vì không có đủ tài liệu biên khảo, ngoài một số nguyên tắc chỉ đạo trong *Duy Nhân cương thường* và tập *Bình Sản Kinh Tế*, được ghi chép trong khóa huấn luyện mùa thu năm 1945 của Thái Dịch Lý Đông A giảng dạy.

Tuy vậy, đem đối chiếu những nguyên tắc chỉ đạo kinh tế đó với hoàn cảnh thực tại cũng sẽ nảy nở ra những kế hoạch chi tiết, mà người thực hiện chỉ cần tháo rút lấy,

cũng đủ bảo đảm thành công cho một chế độ rồi. Để chứng minh cho nhận xét trên, kế hoạch thực hiện chủ trương Bình sản kinh tế phải đi từ chỗ định rõ vị trí của vai trò chính trị, trong việc thiết kế, để khai thác Bốn Công Chủ Nghĩa đem làm yốn liếng cho việc phân công thành Bốn Hệ Thống Kinh Tế có cơ hội hoạt động.

Như vậy chủ trương Bình Sản, khi mang vào hành động, sẽ không gặp một khó khăn nào về nhân sự (như mâu thuẫn giai cấp giữa chủ và thợ), không bị sai khớp giữa sản xuất và tiêu thụ (thường gây ra nạn khan hiếm vật dụng hoặc thừa thãi vì mức cung và cầu không đi đôi với nhau). Ngoài ra cũng không có sự chà đạp lên nhau để sống (vì tự do quá độ, hay vì nạn độc tài của nhà Nước ngăn cấm cá nhân phát triển kinh tế).

Tóm lại, thực hiện chủ trương Bình Sản kinh tế là thực hiện cho mọi người và mọi ngành, một cách đầy đủ và trọn vẹn, từ thượng tầng thiết kế đến hạ tầng cơ sở của tiểu gia đình theo thứ tự sau :

## I.— VẤN ĐỀ THIẾT KẾ

### A.— NHẬN XÉT VỀ HOÀN CẢNH VÀ THỜI ĐẠI.

Cần nhận định rõ những biến chuyển Quốc Tế và Quốc gia đang được chọn làm thí điểm tại khu vực Đông Nam Á.

#### 1) — VỀ KHUYNH HƯỚNG KINH TẾ THỜI ĐẠI :

Sau đệ nhị thế chiến mộng bá chủ hoàn cầu của các cường quốc ở cả hai thế giới Tự Do và Cộng Sản đều bị tan thành mây khói hết.

Mặc dầu, bề ngoài, một số cường quốc vẫn chưa chấp nhận sự bất lực của họ. Nhưng thời gian và hoàn cảnh hiện đã thay đổi dần bộ mặt thế giới, theo ba khuynh hướng mới :

a) Khuynh hướng trở về lập trường dân tộc và liên lập thành từng khối thịnh vượng chung, tùy theo hoàn cảnh địa dư của từng khu vực. Khối đầu là Khối Tây Âu, Phi Châu và Đông Nam Á hiện tại v.v...

Việc xuất hiện của các khối trên (để tạo thế quân bình giữa hai khối Nga và Mỹ) còn



được xúc tiến mau hơn nữa, khi khối Trung Hoa Đỏ vừa chỗi dậy.

Do đó, khuynh hướng Quốc Tế tập đoàn này sẽ có hy vọng thay thế các chủ trương Quốc tế Đại Đồng, kiều Cộng Sản hay kiều Đế quốc thống trị cũ

b) Khuynh hướng Quốc gia xã hội hóa :

Sau những vỡ lẽ trong hàng ngũ Quốc tế Tư bản và Cộng Sản thì ngoài Quốc tế đã xuất hiện phong trào Quốc Tế Tập đoàn, theo xu hướng từng khối nhỏ. Còn trong nội bộ mỗi quốc gia cũng nảy nở ra khuynh hướng quốc gia xã hội hóa (nói cách khác, là khuynh hướng xã hội Bình sản).

Nên các cường quốc Tư bản thì đang lo sửa sai những lỗi lầm cũ, để ăn khớp với tình trạng mới, còn thế giới Cộng sản cũng đang mâu thuẫn nhau vì khuynh hướng xét lại. Riêng tại các nước Nhược Tiểu Á Phi, vì không phải là Tư Bản và cũng không thể theo được Cộng Sản, Nên khuynh hướng Bình Sản càng nảy nở mau hơn,

c) Khuynh hướng kết hợp một trung tâm kinh tế tại Đ. N. Á

Do sự biến chuyển của lịch sử mà tất cả các cường quốc đều nhận thấy sự có mặt

của mình trong việc thành lập một trung tâm kinh tế mới tại khu vực Đông Nam Á, mới mong giữ được thế quân bình của mỗi quốc gia ngoài quốc tế.

Trên thực tế, trung tâm hoạt động kinh tế của thế giới tương lai không còn ở Âu Châu Mỹ-Châu, Nga-Sô hay Trung Cộng nữa : Tất cả các khối kinh tế lớn đều tìm đường phát triển vào khu vực Đông Nam Á. Do đó mà Việt-Nam mới được coi như một thí điểm Trung tâm kinh tế mới này.

Qua bao thử thách (từ việc người Pháp trở lại tái chiếm Việt-Nam sau chín năm rồi bị thất bại, đến việc Mỹ-Quốc, Nga-Sô, Trung-Cộng dốc toàn lực vào chiến trường Việt để cố nắm quyền chủ động, song tất cả đều không thành công. Rút cuộc, hai cường quốc Mỹ-Nga phải tính nước bài thỏa hiệp, để ngăn chặn bớt tham vọng của Trung-Cộng đang được tính toán ở trận thế chiến tranh chính trị hiện thời.

Nên căn bản của vấn đề là phải tạo cho quốc gia Việt một chủ trương kinh tế mới, để họ tự hào giải quốc gia, hữu lập nhân cho cả khối Đông Nam Á.

Nhưng căn bản đó vẫn chưa được các cường quốc nghĩ đến.

Đó là lý do bế tắc của cuộc hoà đàm về Việt-Nam tại Ba lê mà mọi chuyện đều chưa hề giải quyết, vì thiếu cơ sở cụ thể vững chắc để mà thảo luận dự phóng.

Bởi vậy, vấn đề cần đặt ra đây là : người Việt phải tự thiết lập kế hoạch Kinh tế để tự giải quyết lấy vấn đề của mình, trước khi được người cứu giúp.

## 2) VỀ HOÀN CẢNH XÃ HỘI ĐÔNG NAM Á

Có thể nói tất cả các quốc gia tại khu vực Đông-Nam-Á, như Việt, Thái, Lào, Miên, Mã-Lai, Diên-Điện, Phi-Luật-Tân, hiện nay đều ở trong tình trạng lo sợ đối với cả thực dân lẫn Cộng Sản, nhất là Cộng-Sản Trung-Hoa hiện đang đè nặng trên đầu các Quốc-gia này, khi họ nhìn thấy Quốc-gia Việt đang đau khổ vì sự can thiệp của Quốc-tế, trong việc phân tranh Quốc-cộng mà mãi chưa tìm ra lối thoát. Nên, muốn hay không, các Quốc-gia tại khu vực Đông-Nam-Á cũng phải coi vấn đề Việt như vấn đề của Quốc-gia họ. Nhưng họ không biết làm gì hơn, khi chính họ cũng đang ở trong hoàn cảnh đúng như dân Việt?

Cho nên, sau những nhận định về thời cuộc Quốc Tế có liên quan trực tiếp tới các quốc gia tại khu vực Đông Nam Á, vấn đề chủ kế Quốc Gia và khách kế Quốc Tế cần phải được đặt ra một cách phân minh mới mong có thể giải quyết nội hòa bình thế-giới và hòa bình Việt Nam.

## B.- PHẦN KẾ HOẠCH

Cần đặt ngay những vấn đề căn bản, trước khi thành lập các kế hoạch chi tiết, tùy theo hoàn cảnh riêng từng Quốc Gia.

### 1.— VẤN ĐỀ THỐNG NHẤT CHÍNH TRỊ VÀ KINH-TẾ:

Việc thiết lập Bình Sân kinh tế phải là công việc của Nhà Nước vì cần đem phối hợp cả hai chủ trương chính trị và kinh tế mới tạo thành được; Nếu tách rời chủ trương chính trị ra khỏi kinh- tế, theo kiểu tư bản cũ, thì chính trị chỉ làm công việc cai trị và thu thuế thôi. Còn nếu lại mang kế hoạch kinh- tế đặt lên trên kế hoạch chính trị theo kiểu Cộng- Sản thì Nhà Nước sẽ nắm hết quyền kinh- tế của Tư Nhân. Cần ý- thức rõ vai trò chính- trị của Nhà Nước, trong việc thiết lập kế- hoạch Bình Sân, để tránh mọi trở ngại do các chủ- trương kinh- tế cũ làm sai lạc.

### 2. - VAI TRÒ CỦA CÁC QUỐC GIA TRONG KHỐI ĐÔNG- NAM Á VỀ VIỆC THIẾT LẬP THỊ ĐIỀN KINH TẾ BÌNH SÂN:

Một sự thực rất phi lý là hàng 1 / 4 thế kỷ rồi, tất cả mọi- cường quốc, thuộc hai phe Thế giới Tự do và Cộng Sản, đều muốn hòa bình, ấy thế mà lại không hề đưa ra một chủ

trường chính trị kinh tế nào có tính chất hòa đồng, để có thể tiến tới chỗ hòa hài, nhờ lập trường và chủ trương hòa giải chung đó. Nên tất cả đều vấp phải hai khuyết điểm trong mọi bàn hội nghị.

**THỨ NHẤT:** Các cường quốc cả hai phe đều cố giữ lập trường của những chủ nghĩa hiện đang phải sửa sai và xét lại, không cùng nhau đưa ra một chủ nghĩa mới, thích hợp với cả hai phe. Cho nên sự bế tắc, tại mỗi cuộc hội nghị chỉ có thể tạm dẫn tới chỗ giải quyết những vấn đề như chia quyền lợi nhất thời và lặt vặt, chứ nhất định không thể giải quyết tận cội rễ vấn đề thế thì hòa đàm sao được!

**THỨ HAI:** Các Quốc gia Nhược Tiểu, tại khu vực Đông Nam Á, hiện đang được chọn làm bãi chiến trường trắc nghiệm giữa hai thế lực của chủ nghĩa Tư bản và Cộng Sản. Sau khi đã nhận thấy sự thất bại trên quân sự của các cường quốc giúp đỡ Quốc gia mình, khiến phải chuyển sang thế chiến tranh chính trị nên tất nhiên các Quốc gia Nhược tiểu tại khu vực Đông Nam Á ấy, phải tự tìm ra một đường lối kinh tế mới để tự cứu. Chứ không thể nào tin cậy vào bất cứ chủ trương Kinh tế cũ nào được nữa. Dù các Quốc gia này đều được cả hai phe thế giới Tư bản và Cộng sản viện trợ chính trị và kinh tế, coi đó như một cuộc đầu tư cách mạng để làm một trắc nghiệm mới. trước khi tìm ra một lối thoát chung, theo Chủ Trương Bình Sẻn,

Vì sau những thất bại về quân sự tại chiến trường Việt, việc trắc nghiệm chiến tranh chính trị tương lai đây tất sẽ không bắt buộc phải tái diễn ở Việt Nam: mà có thể diễn ra ở một Quốc gia khác tại khu vực Đông Nam Á, như Thái Lan hoặc Lào, Miên, Miến. Còn nếu Quốc gia Việt mà vẫn cứ bị xa lầy về vấn đề quân sự rồi chưa thể phát động mạnh về mặt chiến tranh chính trị được. Thì các Quốc gia trong khối Đông Nam Á nói chung và Việt Nam nói riêng, hễ muốn thoát nạn chia rẽ Quốc gia và Cộng sản thì cần phải ý thức rõ vai trò của mình trong việc đi tiên phong thực hiện chủ nghĩa Bình sẻn Kinh tế này, họa may mới có thể ổn định được nội bộ mình và những Quốc gia bạn cùng chung một cảnh ngộ.

### 3.-- ĐỊNH KẾ HOẠCH KINH TẾ RIÊNG THEO LẬP TRƯỜNG BÌNH SẴN CHUNG

Để bảo đảm quyền độc-lập kinh tế của mỗi quốc gia, chủ-trương Bình sẻn trên lý thuyết chỉ là một khái luận chung của chế độ, vì trên hành động những nguyên tắc vạch ra đây cũng chỉ là phương châm để đạt tới mục đích. Còn phương pháp thực hiện chế độ thì phải tùy hoàn cảnh của mỗi quốc gia mà hoạch định ra một kế hoạch riêng. Kế hoạch này cần y cứ vào tài nguyên quốc gia và chủng tộc sinh hoạt, để khai thác Bốn Công Chủ

Nghĩa và phân chia chức nghiệp qua Bốn Hệ Thống kinh tế trong Bìnhsản chế độ.

THÍ DỤ : Quốc gia ở gần biển thường nặng về thương-mại, Quốc gia có nhiều bình nguyên thường nặng về nông nghiệp. Còn có nhiều sông núi ghềnh thác thì kế hoạch về ngành kỹ nghệ hóa. Quốc gia thường được đặt nặng hơn các ngành sinh hoạt khác. Đó là điểm khác biệt mà phải có sự hợp tác kinh tế giữa các quốc gia, nhưng cũng vì những điểm khác biệt đó mà có sự hợp tác kinh tế giữa quốc gia này với quốc gia khác : Thác nước sông Cửu-Long ở Lào sẽ có liên hệ trực tiếp tới các Quốc gia láng giềng. Hải cảng Việt Nam có quan hệ tới nền thương mại của Lào, vựa lúa của Thái Lan có quan hệ tới đời sống của nhiều quốc gia khác v.v.,..

Cho nên kế hoạch kinh tế Bìnhsản riêng của mỗi Quốc gia thường có sự liên hệ trực tiếp với quốc gia láng giềng, để kết hợp thành những khối thịnh vượng chung tại mỗi khu vực riêng nơi gần, và với những khối kinh tế tại lục địa khác nơi xa.

Mỗi tương quan về kinh tế, giữa chủ kế Quốc gia với khách kế Quốc tế, hiện nay còn

có sự liên hệ cả về chính trị nữa. Vì vậy mà có sự tương trợ nhau, giữa những khuynh hướng chính trị của những đảng này với đảng khác tại Thế Giới Tự Do Tự Bản và quốc gia này với quốc gia khác trong thế giới Cộng sản. Chủ trương Bìnhsản kinh tế cũng không thể bước ra ngoài thông lệ đó, trong việc thiết lập kế hoạch đồng minh giữa những cá nhân, những đoàn thể, những Quốc gia cùng chủ trương với mình, để tiến hành công tác.

#### 4. — ĐẶT NỀN TẢNG CHO CHỦ TRƯỞNG BÌNH SẴN VÀO ĐẦY TẦNG GIAI CẤP.

Đề khai thác nhân lực và vật lực của giai cấp đầy tớ làm động cơ tiến hóa cho cả Quốc gia, nhất là Quốc gia Nhượng Tiều mà Tư bản và Vô Sản đều đứng hàng thiểu số, nên không đóng nổi vai trò lãnh đạo kinh tế chung của dân tộc.

#### 5. — ĐẶT KẾ HOẠCH TƯƠNG TRỢ KỸ THUẬT VÀ GIÚP ĐỖ VỐN.

Giữa các Quốc gia tiên tiến và dân tộc chậm tiến, một cách cụ thể hơn, theo tinh thần viện trợ kỹ thuật và tài chánh của các cường quốc hiện thời. Nhưng các Quốc gia

chậm tiến cần phải có kế hoạch chủ động mới tận dụng được tinh thần viện trợ đó đúng mức và hợp lý.

**GHI CHÚ:** Bí quyết thành công của kế hoạch Bình sản kinh tế là ở quần chúng có giác ngộ đường lối kinh tế mới đó, thì họ mới chịu chấp nhận nó như một nhu yếu Quốc gia, và mới làm cho Quốc tế ủng hộ nó như một kế hoạch mới, để giải quyết những bế tắc của lịch sử nhân loại đang cần được giải quyết.

## II BỐN CÔNG CHỦ NGHĨA

Nguyên tắc căn bản, để thực hiện bốn Hệ Thống Kinh Tế trong chế độ Bình sản gồm Bốn Công Chủ Nghĩa.

### 1. — XÉT VỀ CÔNG BẢN CHỦ NGHĨA

Gọi là Công Bản Chủ Nghĩa vì dưới chế độ Bình Sản, tất cả vốn liếng của Quốc Gia và tư nhân, theo nguyên tắc lập pháp, đều được coi là của chung tất cả. Có như vậy công việc thiết lập kế hoạch kinh tế lớn của Nhà Nước mới được quy mô, trước khi đem phân công cho những kế hoạch kinh tế nhỏ của mỗi giai cấp chức nghiệp phụ trách riêng.



Hơn nữa, tất cả các tiền vốn nếu không được coi như Công Bản, tất việc khai thác khả năng kinh tế riêng trong kế hoạch chung sẽ không được phát triển đồng đều. Điều cần lưu ý, trong kế hoạch khai thác vốn của chủ trương Bình Sản, là cốt nhằm vào giai cấp Tiểu Tư Sản. Vì chủ trương Bình Sản Kinh Tế chỉ có thể thực hiện trước, tại các Quốc Gia Nhược Tiểu, nơi mà giai cấp Tư Bản không đủ vốn để thực hiện chủ trương kinh tế mới có ích lợi chung cho cả Quốc Gia, Cho nên cần phải đặt nặng việc khai thác vốn liếng ở giai cấp Tiểu Tư Sản, trước khi khai thác các nguồn sản thiên nhiên và gây vốn chung bằng cách :

1.— Động viên các khoản tiền thừa nhỏ trong mỗi gia đình Tiểu Tư Sản góp thành vốn lớn (kiểu góp gió thành bão). Vì những khoản tiền vốn quá ít này một người không làm gì được cả.

2) Khai thác các khoản tiền chôn giấu của giai cấp Trung Sản không biết đem tiền sinh lợi; phải mua vàng lá kim cương hay đồ vật ích trữ v.v...

3) Tập trung tư bản tư nhân thành những xí nghiệp lớn để có thể thực hiện được kế hoạch sản xuất của Nhà nước, hầu đáp ứng nhu cầu của dân chúng.

4) Vay vốn ngoại quốc hoặc kêu gọi đầu tư giới hạn.

5) Xin viện trợ máy móc và kỹ thuật gia của các nước tiến bộ.

6) Thiết lập các ngành kỹ nghệ nhẹ làm Trọng Tâm cho sự hoạt động của các hệ thống địa phương và tư nhân liên hệ.

7) Khai thác các nguồn sản thiên nhiên của quốc gia (Lâm sản, Hải sản, thổ sản v.v...)

Sự thất bại của chủ nghĩa Cộng sản trong việc xây dựng hạnh phúc cho mọi người là chính vì đã tước đoạt quyền tư hữu, làm cho con người, mất hứng thú, trong sự làm việc, và tê liệt sự sinh hoạt của giai cấp Tư bản, vốn đã từng có công đưa các quốc gia Âu Mỹ trở nên hàng cường-quốc. Mặc dù giai cấp ấy vì đặt nặng quyền tư-hữu hơn quyền chung của xã-hội, nên chưa thể tận dụng được hết khả năng kinh-tế của những gia-cấp khác, và chưa khai thác được hết mọi khoản vốn, ngoài khoản vốn mà Nhà Nước Cộng Sản đã tập chung được.

Bình sản Kinh tế tất nhiên không chủ trương theo lẽ lối tổ chức kinh tế kiểu Tư bản, lấy thiểu số làm động lực kinh tế quốc gia. Cũng không thể tán thành chủ trương lấy sức lao động của thiểu số giai cấp Vô sản để tước đoạt hết quyền tư hữu đặt vào tay Nhà Nước kiểu vô sản được.

Bởi Bình sản kinh tế không chủ trương phá bỏ bất cứ một sơ kinh tế nào sẵn có của xã hội hiện tại. Vì thời gian và hoàn cảnh sẽ tự biến cải nó, mà Bình sản kinh tế chỉ là đón trước được thời cơ để đặt thành kế hoạch kiến thiết chia thành hai giai đoạn.

#### — KINH TẾ CHỈ ĐẠO VÀ KINH TẾ TẬP CHẾ.

a) Giai đoạn kinh tế chỉ đạo : Nhà nước Bình sản đóng vai hướng dẫn cho các ngành sinh hoạt theo đường lối kinh tế mới, một cách khéo léo, để đạt tới mục tiêu quân bình xã hội. Chủ trương Sửa Sai của Tư bản hiện đang đem thực hiện (để tiết chế Tư bản) quả là chứng lệ báo trước sự chuyển hướng này, còn đối Tiểu Tư Sản thì vì chưa có một kế hoạch rõ rệt, nên những công cuộc cải

cách riêng lẻ của Nhà Nước Tư Bản (vốn cũng là thiểu số) chưa thể thắng được Cộng Sản.

#### b) Giai đoạn kinh tế tập chế :

Tập chế, theo tiêu chuẩn Bình Sản cốt để xã hội khỏi mất thăng bằng, về đời sống vật chất, và tránh khỏi những đổ vỡ, do sự sinh hoạt và tổ chức gây ra: Chủ trương Bình Sản chẳng những giải quyết được mọi thối nát của xã hội Tư bản cũ mà còn sửa chữa được cả những sai lầm của chế độ tập sản thiên lệch, mà xã hội cộng sản đang đem «xét lại»:

Vì chế độ kinh tế tập chế, theo chủ trương Bình sản, có tập trung, có phân phối, có quốc sản, có tự trị sản địa phương, có Tư bản giai cấp và có cả gia đình hệ thống sản nghiệp chứ không phải tước đoạt hết tài sản của tư nhân rồi đem tập trung thành một hệ thống kinh tế do Nhà Nước lập đạo, kiểu tập sản của Cộng Sản. Trong chế độ tập chế của Bình Sản, chẳng những phải chia sẻ theo chức nghiệp bên ngoài mà còn có sự phân công theo nhân tính bên trong nữa. Do đó mà Tư bản thì không thể thủ tiêu được tư hữu để lũng đoạn kinh tế Quốc gia và Cộng Sản cũng không thể thủ tiêu được tư hữu, để lũng đoạn kinh tế xã hội: Bên Nhật Bản cũng đã áp dụng phương pháp này, bằng cách đổi tiền cũ lấy tiền mới cho mỗi gia đình ăn đủ trong một thời gian, phần còn lại thì phải đem gửi vào nhà Ngân hàng, để Nhà Nước có thể tài trợ gián tiếp cho các nhà công kỹ nghệ phục hưng kinh tế, khi Phù Tang thất trận phải đầu hàng Đồng Minh vô điều kiện sau thời kỳ đệ nhị thế chiến. Chủ trương của Nhật đem khai thác số tiền chết, quá ít của giai cấp Tiểu Tư

Sân đã là một kinh nghiệm cho các Quốc gia Nhược Tiểu, Vì mỗi đồng bạc, để dành của trẻ em trong con heo mỗi khoản tiền thừa nhỏ nhoi hàng tháng trong mỗi gia đình, khi lấy ra được hết cũng đủ làm giàu cho một nước rồi. Kế hoạch này chẳng những sẽ giúp cho các dân tộc Nhược tiểu có thể thoát cảnh chậm tiến (khi món tiền chết kia đã được dùng làm nền tảng cho xã hội, để khai thác cái nguồn sản thiên nhiên vô tận chưa được khai thác) mà ngay đến cường quốc của cả hai Thế giới tư bản tự do và Cộng Sản độc tài khi mang áp dụng nó, cũng sẽ làm cho cường quốc ngày thêm cường thịnh hơn nữa, và dân chúng tất được hạnh phúc nhiều hơn nữa.

## 2.— XÉT VỀ CÔNG LAO CHỦ NGHĨA

Sức lao động là vấn đề quan trọng thứ nhì trong việc biến vốn thành lời. Tại những nước đã tiến bộ thì người ta chú trọng nhiều tới sức lao động của trí thức; ~~trong~~ trong việc sáng tạo kỹ thuật mới; còn lại những quốc gia trình độ kỹ thuật thấp kém thì người ta phải chú trọng nhiều tới sức lao động của chân tay. Ấy thế mà tại nhiều Quốc gia chậm tiến khác thì có khi người ta chẳng có một kế hoạch nào để khai thác cả lao động trí thức lẫn chân tay gì cả.

Cho nên chủ trương Bình-Sân cần đặt sức lao động thành Công Lao Chủ Nghĩa, để

tận dụng mọi khả năng của cả lao-động trí-thức lẫn lao-động chân tay, hầu tạo cơ hội đồng đều cho mọi thứ lao-động có thể phát triển hết khả năng của họ. Quốc-gia cần bảo chứng nguyên-tắc bình-đẳng đó trước pháp luật để tránh khỏi nạn kẻ khinh người trọng, kẻ mạnh người yếu, để tránh nạn chia rẽ giữa người lao tâm và lao lực. Vì thiếu sự đảm bảo tự-do bình đẳng về chức nghiệp, thiếu cơ hội để phát triển khả năng lao động, nên sự phân chia giai cấp sẽ bắt buộc đi đến đấu tranh giai cấp, như ở xã hội hiện tại. Và sẽ không giải quyết được gì hơn ngoài việc Sửa Sai liên tục,

Cho nên nói tự do mà không có bình đẳng, tất kẻ mạnh sẽ tự do hiếp người yếu. Nói bình đẳng mà không có cơ hội đồng đều để mọi người cùng làm việc, cùng hưởng lợi thì bình đẳng tự-do chỉ có danh nghĩa trên giấy tờ mà không có ích lợi trong thực tế.

Chính vì những điều thiếu sót này mà K. MARX đã phủ nhận hết giá trị về tự do và bình đẳng của xã hội Tư bản còn cốt để tạo cơ hội cho giai cấp Vô sản đứng lên làm cách mạng tạo thành một giai cấp mới. K. MARX và các đệ tử của ông còn thiên lệch

hơn nhiều nữa trong việc phủ nhận giá trị lao động tri thức, để đề cao lớp lao động chân tay, bằng những câu kết luận trong bản Tuyên ngôn Quốc Tế Cộng sản khiến cho sau này đã có một lãnh tụ nghiệp đoàn Âu-Châu dám quyết đoán: « Người lao động làm ra tất cả và có thể phá đi tất cả. Vì họ có thể làm lại tất cả! »

Chủ trương đề cao sức lao động chân tay một cách quá tả này (để chia rẽ lao động tri thức) chỉ có tác dụng tâm lý phá hoại, chứ không tạo lập nổi một xã hội lành mạnh thì rồi mong gì cho người Vô sản tràn trề dũng cảm nắm hết. Vấn đề cần giải quyết hiện nay là phải tạo cơ hội cho mọi người, mọi giai cấp (cấu tạo bởi nghề nghiệp khác nhau) được tự do phát triển sức lao động, để tránh nạn vô tổ chức, làm tổn phí sức lao động vô ích.

Muốn vậy. Nhà Nước cần chủ trương phân công và hướng dẫn sức lao động của mọi người, mọi ngành, bằng giáo dục nghề nghiệp theo tiêu chuẩn xã hội Bình Sản. Vì chỉ có tiêu chuẩn «Bình» đó mới ổn định được tâm lý mọi người, trong việc hướng dẫn nghề nghiệp, đào tạo chuyên môn để con người hiệu

biết giá trị của sức lao động, và tổ chức lao động ngày thêm tiến bộ. Bởi sức mạnh của bàn tay lao động, do K. MARX chủ trương, chỉ có giá trị tuyệt đối ở thời đại máy hơi nước, chứ không có giá trị tuyệt đối ở thời đại nguyên tử nữa. Cho nên giá trị sức lao động của một người lao động chuyên nghiệp ngày nay bao giờ cũng hơn giá trị của một người lao động không chuyên nghiệp. Chủ nghĩa thi đua làm việc bằng sức lao động, trong thế giới Cộng Sản (kiểu Stakhanovisme của Nga) chỉ có giá trị tại những nước hầy còn chậm tiến về kỹ thuật, nhiều hơn ở những nước đã tiến bộ. Chủ trương phân công làm việc, theo lối dây chuyền (kiểu Taylorisme tại Mỹ Quốc) cũng chỉ có giá trị riêng của một nước mà kỹ thuật đã đạt tới mức cao đẳng, để tới mức siêu đẳng, như hiện nay thì lại cần đến chủ trương phân công tối tân theo kiểu kỹ thuật cơ cấu (Techno-Structure) một cách kém hào hứng đối với lao động đã bị lệ thuộc quá nhiều vào máy móc.

Cần phối hợp cả ba lẽ lối làm việc để tận dụng công lao của một Quốc gia chậm tiến thì mới có thể biến số vô hữu hạn, do Công Bản Chủ Nghĩa đã khai thác. Nhất là tại các



Quốc gia nhược tiểu Á Phi trình độ kỹ thuật chưa tiến bộ, sức lao động chân tay chưa được tổ chức, theo một chiều hướng hữu hiệu và khai thác đúng mức một cách đồng đều. Bệnh lười biếng, vô trách nhiệm, thích làm ít ăn nhiều tại các quốc gia chậm tiến, nếu không sớm sửa chữa bằng Công Lao Chủ Nghĩa thì tất cả Công Bản có khai thác được cũng sẽ hao hụt đi, như đồ viên trợ mà thôi. Cho nên điểm đặc biệt trong phương pháp khai thác Công Lao Chủ Nghĩa của Bình Sân là:

a) Làm việc nhiều, nhưng không biến lao động thành nô lệ nhà nước.

b) Đã phân chia chức nghiệp thì cũng phải phân chia quyền lợi cá nhân;

c) Tạo không khí hào hứng, trong việc thi đua làm việc cũng như tinh thần trách nhiệm trong lề lối làm việc đầy chuyên;

d) Giáo dục tâm lý về chủ trương Bình sân đi đôi với giáo dục nghề nghiệp theo phương lược Tam H. (đã có trình bày ở phần Triết Thuyết trên trang 35)

e) Đặt vị trí công việc đúng với khả năng riêng của mỗi người đi đôi với quyền lợi và cơ hội.

Có như vậy thì sức mạnh của bàn tay lao động với sức mạnh của bộ óc sáng tạo mới phát triển đồng đều thành sức mạnh chung của mọi người để khai thác đúng mức khẩu hiệu: Hết sức mệnh, đủ dùng mình và trọn phận mình. (Tận kỳ sở năng, toại kỳ sở nhu, chính kỳ sở mệnh.) Bởi vì, muốn tận dụng công lao của mọi thứ lao động, điều trước hết là phải xóa bỏ mặc cảm Chủ và Thợ kiểu Thầy và Tớ, để nêu cao tinh thần hợp tác giữa người có của và kẻ có công và cùng hưởng quyền lợi tùy theo nhu cầu của mỗi người. Nhất là đối với việc phân công phân nhiệm và phân lợi cho mỗi người nó còn liên quan đến vấn đề Tâm lý về Sự Sống của mỗi người khác nhau trong tâm lý chung của cả mọi người. Vì vấn đề Sinh mệnh Tâm lý của mỗi cá nhân trong mỗi vị trí của mỗi chức nghiệp còn là động cơ khởi điểm của Sinh Mệnh tập thể. Nên tổ chức kinh tế có tiến bộ hay không là do ở chỗ chính kỳ sở mệnh đó. Cho nên trong cái Bình của tập thể tinh ở mỗi tổ chức vẫn có cái khác nhau đôi chút về cá nhân nhưng không đi tới chỗ mất quân bình của tập thể. Thế mới gọi là hợp lý được.



Bình sản chủ trương trao trọn bốn phần cho mỗi người trong những người ở mỗi tổ chức kinh tế. Có như vậy thì xã hội mới có thể tiến hóa theo Bề Ngang của mỗi cá nhân cũng như của mỗi tổ chức, nên sẽ không có quan niệm Bình mà không tiến khi tất cả mọi người đều hiệu sai và đặt sai cái mình, (kiểu quan niệm cá mè một lứa, của xã hội vô giai cấp mà K. Marx đã vấp phải).

### 3-KẾT VỀ CÔNG PHỐI CHỦ NGHĨA :

Kinh tế Quốc-gia phần thịnh là do Công Bản và Công Lao Chủ Nghĩa phối hợp, nhưng nếu sự phân phối về các nguồn sản nhân công hàng hóa, vật liệu, và quyền lợi không hợp lý thì chẳng khác nào mạch máu trong một cơ thể bị ứ đọng vào một chỗ vậy. Dưới chế độ Cộng-Sản, việc phân phối trên đặt trong tay Nhà Nước. Nên người dân chỉ có làm việc nhiều mà hưởng thụ ít.

Và dưới chế độ Tư bản thì quyền năng kinh tế nằm trong tay giai cấp tư bản. Nạn đầu cơ tích trữ hàng hóa đã làm cho nơi thiếu chỗ thừa, đời sống dân chúng thực bấp bênh

không có bảo đảm tương lai, mà ngay cả đến giai cấp Tư Bản cũng phải lao tâm mệt trí để cạnh tranh nhau mới tồn tại được.

Do đó, vấn đề Công Phối cần được bàn sau Công Bản và Công Lao Chủ Nghĩa. Tiếc vì tài liệu này không thể nói rộng về hết cả mọi công việc của Công Phối Chủ Nghĩa. Nên chỉ bàn riêng về việc phân phối quyền lợi, theo nguyên tắc phân phối lấy tiêu gia đình làm bản vị, chứ không phải lấy cá nhân. Vì việc phân phối này chỉ thực hiện được ở dưới chế độ kinh tế chỉ huy thời.

Vậy y cứ vào nguyên tắc trên, việc phân phối quyền lợi phải chia ra hai phần:

- A— Phần chi phí hàng tháng cho bản vị gia đình công nhân;
- B— Phần phân phối lợi tức để dành cuối năm cho thợ.

A— Về phần chi phí cho mỗi bản vị gia đình hàng tháng gồm có những khoản chi phí cần thiết như :

a) Lương lập cước của mỗi công-nhân, phải tính đồng đều theo thời giờ làm việc bằng nhau, còn mức cao thấp phải do Công Vụ

Viên của Nhà Nước cần cứ vào giá sinh hoạt địa phương với sự thỏa hiệp giữa chủ và thợ để định đoạt chung cho cả công và tư chức như nhau cả.

b) Phụ cấp giáo dục cho con nhân viên đi học tới năm 18 tuổi. Vì sau mười tám tuổi sẽ do Nhà Nước trực tiếp bảo trợ con em đó.

c) Phụ cấp y tế sinh phí như : thuốc men cho mỗi gia đình khi đau yếu.

d) Phụ cấp an ninh phí cho mỗi gia đình khi gặp hoạn nạn.

e) Phụ cấp trách nhiệm phí cho các cấp chỉ huy, tùy theo cấp bậc lớn hay nhỏ.

Tất cả những khoản tiền trên cộng lại thành lương tháng cho mỗi gia đình, khiến đời sống thợ thuyền, công cũng như tư chức không còn phải lo ngại nữa. Duy có vấn đề phụ cấp giáo dục cần phải bàn thêm vì hiện tại chưa được chế độ nào giải quyết chu đáo. Nhất là tại các Quốc gia tự do nạn thiếu trường công lập, thừa trường tư đã làm cho biết bao học sinh và sinh viên ưu tú phải bỏ học đi kiếm miếng ăn, trong khi đó thì

con nhà giàu dù dốt nát cũng vẫn được tiếp tục học hành, để sẽ được làm thầy những nhân tài bị thiếu học.

Cho nên dưới chế độ Bình sản có vấn đề trợ cấp giáo dục để tạo cơ hội đồng đều cho tất cả con em của tất cả mọi gia đình, giàu cũng như nghèo đều được đi học cả. Vì sau khi được gia đình bảo trợ lại còn được Nhà Nước tận dụng khả năng tùy theo sở trường, sở đoản của mỗi người. Nếu là bậc thiên-tài Nhà Nước sẽ nuôi dưỡng thành nhà thông thái. Nếu là kẻ kém thông minh Nhà Nước sẽ đào tạo thành những chuyên viên về chức nghiệp theo khả năng riêng của mỗi người.

Có như vậy thì mới không sợ thiếu nhân tài giúp cho Quốc-Gia mau tiến bộ, và giải quyết luôn cả họa bất công do xã hội cũ gây ra

Bởi người ta thường cho rằng : con người sinh ra phải được bình đẳng, nhưng không có cơ hội, thì hỏi làm gì có bình đẳng, khi đứa trẻ sinh ra ở mỗi gia đình giàu nghèo khác nhau, học vấn cao thấp khác nhau ?

Vì vậy theo bình sản chủ trương, việc lấy gia đình làm bản vị phân phối quyền lợi, (và không lấy cá nhân) chẳng những ổn định được nếp sống của gia đình hiện tại mà còn tạo cơ hội cho cả những thế hệ tương lai không còn phải chịu cảnh bất công của xã hội cũ nữa.

**B**— *Việc phân lợi không vốn cho thợ.*

Sau phần lương trả cho thợ hàng tháng mà nếu lại không được chia lời không vốn hàng năm, thì kẻ làm công cho người có của có khác gì trâu ngựa được chủ cho ăn cỏ ngon để đủ sức kéo cày, kéo xe mà không còn được hưởng quyền lợi gì khác cả !

Để giải quyết nạn bất công này, hiện tại các nước Âu Mỹ họ đã đặt thành vấn đề chia lời và góp vốn cuối năm cho công nhân tính theo tỷ lệ :

Nông nghiệp 50%/o

Công nghiệp 30%/o

Sở dĩ có sự cách biệt về quyền lợi giữa nông và công như trên là do sự sinh hoạt của Nông và Công khác nhau. Công nghiệp sinh hoạt theo máy móc, và chủ có trách nhiệm

nhiều hơn thợ, nên lời tuy ít mà hóa nhiều. Còn Nông nghiệp sinh hoạt theo ruộng đất, lợi tức ít nảy nở hơn và người thợ vất vả hơn. Nên thợ có quyền chia lợi ngang với chủ mới hợp lý.

Điều cần lưu ý là việc phân chia lợi tức cuối năm cho thợ chỉ tính vào người đi làm chứ không phân chia theo bản vị gia đình như lương hàng tháng. Đó là xét về lợi tức chia cho thợ, còn việc chia lời của chủ thì Bình sản kinh tế cũng căn cứ vào tiêu chuẩn bình mà định mức cao thấp, theo tỷ lệ nghịch của số cổ phần nhiều hay ít : càng nhiều cổ phần thì số lời càng ít phần đi. Tiêu chuẩn tiết chế Tư bản, nâng đỡ Trung và Tiểu Tư Sản này có thể dựa theo phương pháp đánh thuế lũy tiến tại các Quốc gia Tư Bản hiện tại, để tránh nạn mất quân bình xã hội, giữa những người quá nhiều và quá ít vốn trong mỗi công ty.

Bởi vì nếu người ít vốn không được nâng đỡ thì công ty sẽ chỉ còn một thiểu số nhà giàu vì giai cấp Tiểu Tư Sản và thợ thuyền sẽ rút vốn ra để tránh nạn mạnh ăn hiếp yếu.

Cần ý thức vấn đề phân phối quyền lợi, theo tiêu chuẩn đó vì chỉ có tiêu chuẩn Bình mới lập được hồ

chia rẽ giai cấp, để cùng nhau « cùng sống và giúp tiến », trong hòa bình hạnh phúc.

Việc trả lương cho thợ và chia lời của chủ theo công phối chủ nghĩa tới đây, hẳn có nhiều thắc mắc nêu ra. Nhất là việc lấy bản vị gia đình để phân phối lương bổng hàng tháng và chia lời không vốn hàng năm có thể cho là quá hậu chăng ?

Không có gì gọi là quá đáng cả. Vì nếu không sớm hữu sản hóa người vô sản như thế, thì chẳng bao giờ hết nạn mâu thuẫn giai cấp và cũng chẳng ai thích làm thợ hết. Còn chủ thì chưa giàu cũng đã đâm ra lười biếng rồi. Cho nên việc trả lương theo tiêu chuẩn Bình Sản thì người thợ chẳng những không có tâm lý phá hoại mà còn hăng hái làm việc nhiều hơn khi thấy thợ cũng là chủ. Bởi ngoài quyền lợi vật chất ra, người thợ còn được quyền quản trị xí nghiệp ngang hàng với chủ (trừ việc quản lý về tài chánh và kỹ thuật do chủ chịu trách nhiệm). Đây là xét về phương diện lấy Công Phối để tận dụng Công Lao của thợ. Tiếp theo là việc lấy Công Phối của thợ để tận dụng công lao của chủ, hầu làm cho công bản của chủ và thợ càng giàu thêm. Vì chủ cũng sẽ phải làm việc để được hưởng lương và phụ cấp hàng tháng cùng chia lời hàng năm như thợ, mà không cần phải tiêu đến tiền của chủ, do lợi tức của vốn sinh ra.

Cho nên khi thực hiện Công Phối chủ nghĩa :

1) Thợ sẽ leo thang dần thành chủ, từ chỗ chia lời không vốn đến chỗ chia lời có vốn (do cái lời không vốn trở thành vốn mà đẻ ra lời),

2) Chủ cũng phân ra nhiều hạng :

a) Hạng Đại Tư Bản có quá nhiều vốn, không cần làm việc mà vẫn giàu có. Nhờ lời ít nhưng vốn nhiều.

b) Hạng Trung Sản vừa hưởng lợi bằng vốn, vừa đóng góp công lao với thợ, và lãnh phụ cấp tùy theo sự đóng góp công lao nhiều hay ít,

c) Hạng Tiểu Tư Sản, vừa chia lời bởi số vốn ít ỏi, cần phải làm việc nhiều hơn hai hạng chủ trên.

d) Hạng Thợ Được Chủ Chia Lời không vốn thành chủ cũng gắng hoạt động để có thể theo kịp các hạng chủ kia.

Để cho việc trả lương và phân lợi một cách hợp lý và công bình đó:

— Việc trả lương cho thợ sẽ do Quan chính viện chịu trách nhiệm, chứ không phải

Tài chánh viện.

— Việc phân lợi cho chủ và thợ cũng sẽ do Quan chính viện phối hợp với Tài Chánh Viện để xét mức lời và phân phối theo tiêu chuẩn Bình Sản đã định,



## 4-XÉT VỀ CÔNG ĐỘ CHỦ NGHĨA :

Nguyên tắc thứ tư, sau Công Bản, Công Lao, Công Phối, là Công ĐỘ chủ nghĩa. Công ĐỘ có mục đích đảm bảo nền tài chính Quốc gia, giải quyết vấn đề lương bổng và các ngành sinh hoạt chính, như Công, Nông, Thương khỏi bị khủng hoảng, do sự thiếu sót của tài chính gây ra. Cho nên Công ĐỘ Chủ Nghĩa cần được tổ chức theo tiêu chuẩn Bình như sau:

## A. — TÀI CHÁNH CHẾ ĐỘ.

a) Dựa vào tài nguyên Quốc gia và công bản, địa phương được khai thác.

b) Dựa vào thuế má, gồm hai loại : thuế sản xuất đánh vào các công ty sinh sản, thuế tiêu thụ đánh vào các hàng xa xỉ phẩm.

Ngoài hai tiêu chuẩn thuế trên, các loại thuế khác thường vẫn đánh vào tiền công, tiền thương và các hàng nhu yếu phẩm đều bỏ đi hết mới hạ thấp giá sinh hoạt được.

Vì dưới chế độ Bình sản, Nhà Nước không còn phải là một bộ máy cai trị, (kiểu Tư bản) hay thống trị, (kiểu cộng sản) nên bộ máy

Nhà Nước phải tự khai thác công sản và công doanh để cung cấp đủ nhu cầu Quốc gia. Do đó thuế má chỉ xếp hàng thứ yếu, còn mức độ tăng gia của nó sẽ tùy thuộc vào sự lớn mạnh của các công ty Tư bản và mức sống của dân chúng từ nhu yếu phẩm rồi lên cao tới độ xa xỉ phẩm, gần như nhu yếu phẩm. Cho nên khi cần xét về sự sinh hoạt của một Quốc-gia có được thịnh vượng hay không, chỉ cần xét số thuế thâu được ở các xí nghiệp và hàng xa xỉ phẩm. Hai loại thuế này càng thâu được nhiều, công việc kiến trúc đời sống chung cho mọi người càng sớm đạt được kết quả tốt.

## c) Giá trị tiền tệ :

Tiền tệ là căn bản của mỗi chế độ và là tượng trưng sức mạnh của mỗi quốc gia.

Cho nên <sup>nơi</sup> thị trường tiền tệ, người ta thường nghĩ tới giá trị đồng tiền của mỗi nước và mỗi khối tiền để bảo đảm cho việc giao thương quốc tế.

Trước đệ nhị thế-chiến người ta thường nói đến sức mạnh của đồng Anh Kim tại chợ tiền bên Anh Quốc. Nó muốn lên giá hay hạ giá đồng tiền nào khác tùy ý.



Sau đệ nhị thế chiến người ta lại đang nói tới sức mạnh của đồng Mỹ Kim. Mạnh đến nỗi làm cho tiền tệ của nhiều nước phải liên kết thành khối để giữ vững giá trị khỏi bị đồng Mỹ Kim hạ thấp.

Do đó mà các Ông vua tiền tệ tại các nhà ngân hàng cũng có một thế lực không kém gì vua chúa thời Trung Cổ. Muốn ban họa ban phúc hay buồn bán cả chính trị cũng chẳng khó khăn gì. Nhưng mà nạn Tư bản kim dong lũng đoan kinh tế và chính trị này hiện đang bắt đầu suy yếu dần vì đệ tam thế chiến đang mở màn tại Việt Nam, trong mấy năm nay. Bởi hai nguyên nhân :

Thứ nhất : Nạn lạm phát Mỹ kim đề cung ứng cho một cuộc chiến tranh ý thức hệ kéo quá dài đã làm cho đồng Mỹ Kim vừa qua suýt bị phá giá, sau thị trường vàng Âu Châu khiến chính quyền Mỹ phải tiếp tay điều đình với các nhà ngân hàng Âu châu đừng mua vàng cao hơn giá cũ. Đồng thời tung ra một loại vàng giấy thay cho vàng thực để giữ giá trị cho đồng Mỹ Kim nhờ mức độ sản xuất quá cao của Mỹ. Đây cũng là một việc làm cho các nhà kinh tế học phải suy nghĩ nhiều, về giá trị tiền bạc cao thấp không

phải do số lượng vàng khối trong kho nhiều hay ít, mà giá trị của nó ở chỗ có sản xuất hay không, Điều này hẳn đã làm cho các nhà kinh tế Việt phải suy nghĩ nhiều, khi các nhà Tư bản Việt đem gửi tiền vào ngân hàng ngoại quốc để khỏi sợ ảnh hưởng khi đồng bạc Việt Nam bị phá giá. Các nhà Trung Sản thì mua vàng lá và vật bất động sản để chôn giấu, những khoản tiền đang sống động thành tiền chết, Còn các gia đình Tiểu Tư Sản thì tiền dư không biết làm gì đành bị để mất giá,

Như vậy hỏi làm sao dân tộc này có thể phú cường được, nếu cứ phải trông nhờ vào ngoại viện mà không nghĩ đến tự túc bằng việc thay đổi ngay các căn bản lý thuyết kinh tế cũ theo chiều hướng mới để người dân nức lòng tin tưởng vào chính quyền mà bỏ các khoản tiền chết kia vào việc khuyến khích kinh tế cho đồng bạc Việt được bảo đảm hơn.

Thứ hai : Nạn mâu thuẫn giữa tư bản nhà ngân hàng với tư bản kỹ nghệ (nhất là kỹ nghệ chiến tranh) tại Mỹ Quốc đã và đang phân hóa Mỹ Quốc thành nhiều khuynh hướng chính trị như ;

— Mỹ Quốc phải có trách nhiệm trong cuộc chiến tranh ý thức hệ này bằng vốn liếng Mỹ không ?

— Mỹ Quốc nên trở về vị trí quốc gia mình theo tinh thần chủ nghĩa Monroe chẳng?

— Mỹ Quốc phải nên dung hòa cả hai quan điểm trên bằng thủ đoạn chính trị khôn khéo và ít tốn kém hơn hay không?

Bởi vì đối thủ của Mỹ là Nga Sô và Trung Cộng tuy chia rẽ nhau về chánh trị, nhưng cùng theo một sách lược kinh tế là « Giải quyết nạn căng vú sữa của Mỹ bằng cách làm cho đồng Mỹ Kim phải suy yếu ».

#### DƯỚI CHẾ ĐỘ BÌNH SẴN :

Vấn đề tiền tệ nó có một giá trị tương đối và khác biệt với chế độ tư bản.

**ĐỐI QUỐC TẾ :** Việc giao thương giữa Quốc gia này với Quốc gia kia về những hàng hóa cần thiết sẽ áp dụng theo Quốc tế mậu dịch bằng cách lượng giá các món hàng cần trao đổi nhiều hơn là việc mua bán bằng tiền tệ. Như vậy các nước Nhược Tiểu chậm tiến mới đỡ bị bóc lột trong việc mua hàng nhập cảng cao và bán nguyên liệu

với giá quá thấp. Vì giá trị tiền bạc của Nhược Tiểu không bằng giá trị của cường quốc.

**ĐỐI QUỐC NỘI :** Quốc gia thống nhất tiền tệ, và giá trị đồng tiền của quốc gia phải được bảo đảm bởi Cộng Độ Chủ Nghĩa. Nghĩa là bảo đảm bằng sự tiến triển của các ngành sinh hoạt ngay một gia tăng, làm cho Cộng Bản thêm giàu mạnh, chứ không phải bảo đảm bằng vốn liếng hữu hạn nào cả. Như vậy giá trị đồng bạc, dưới chế độ Bình sản mới đúng nghĩa như một tín phiếu để trao đổi giá trị vật phẩm với nhau bằng ngay mà thôi, còn việc giao thương lớn của xã hội công ty với nhau thì thường áp dụng kế hoạch mậu dịch trong kinh kỷ chế độ.

Nói tóm tắt, Cộng Độ Chủ Nghĩa là kết quả của Cộng Bản, Công Lao và Công Phối trên. Nền tài chánh quốc gia nhờ đó chỉ có tiến lên đều đều, chứ không cần phải lo bảo vệ cho khỏi bị phá sản. Và một khi vấn đề tài chánh đã được bảo đảm thì việc trả lương bổng của thợ thuyền cũng ngay một lên cao, nhờ có sự tổ chức và sinh hoạt hợp lý của các ngành NÔNG, CÔNG, THƯƠNG, theo chế độ Bình sản làm tăng năng xuất,

khiến tiền tệ nhờ đó mà có bảo đảm về giá trị của nó

Đó là sự liên hệ giữa tài chính chế độ với Nông Công' Thương chế độ tất đều đã được hướng theo một tiêu chuẩn của Công Độ Chủ Nghĩa vậy.

#### B — THƯƠNG NGHIỆP CHẾ ĐỘ

Bình Sản chủ trương theo kinh kỷ chế độ.

a) Đối quốc tế, Nhà nước đứng trung gian mọi giới trong việc trao đổi các vật phẩm với Quốc tế, chứ không phải do tư nhân trực tiếp thực hành quốc tế mậu dịch. Nhưng vì Nhà Nước không phải là nhà buôn, việc trao đổi vật phẩm, giữa quốc gia và quốc tế, đều do các xã hội Công ty đứng thực hiện.

Có như vậy, nền ngoại thương mới không bị khủng hoảng vì nạn xuất nhập cảng không đúng mức cung cầu của quốc gia.

Bởi mức cung và cầu đó chỉ có Nhà Nước mới biết rõ để hướng dẫn cho các công ty tư nhân mà thôi.

Nguyên tắc chỉ đạo này tuy cũng đã được chính quyền tại các nước tư/ thực hiện bằng bán

việc cấp giấy phép cho các công ty xuất nhập cảng. Nhưng chỉ có kết quả tương đối, vì nhà buôn có muôn ngàn mách khéo để lũng đoạn chính quyền bắt theo ý họ

Cho nên Nhà Nước Bình sản cần đặt vấn đề ngoại thương thành một chánh sách rõ ràng để quân bình thương nghiệp với các ngành sinh hoạt khác (trừ những nhu cầu xuất nhập của hệ thống Nhà Nước).

a) Đối Quốc Nội: Nhà Nước Bình Sản cũng chỉ đứng trung gian và chỉ đạo giữa sản xuất và tiêu thụ, theo nhu cầu quốc gia, một cách trực tiếp, để giá cả trên thị trường không bị gian thương lũng đoạn.

Dưới chế độ Cộng sản, vì Nhà Nước trực tiếp sản xuất và cũng phải trực tiếp tổ chức đứng tiêu thụ lấy. Nên vai trò thương mại của tư nhân không còn có cơ sinh sống nữa, vì lý thuyết kinh tế của cộng sản cho rằng: Vai trò nhà buôn của tư nhân không cần thiết nó chỉ đứng trung gian để hưởng lợi giữa sản xuất và tiêu thụ, nên không ích gì cho Nhà Nước Cộng Sản cả.

Quan niệm về thương mại quá tả này, không thích hợp với chủ trương Bình Sản

Vì Nhà Nước Bình Sân không có chủ trương tập sản kiêu Cộng sản để nắm hết mọi ngành sản xuất, thì cũng không có chủ trương nắm hết quyền tiêu thụ! Còn nạn gian thương lũng đoạn thị trường là lỗi tại Nhà Nước tư bản đã vô tổ chức trên nhân dân sinh hoạt lại thiếu kế hoạch điều hòa giữa sản xuất với tiêu thụ phát sinh.

Cho nên Bình Sân chủ trương Kinh-kỹ chế độ để điều hòa sinh hoạt của thị trường và xây dựng một chế độ thương mại đúng với vai trò của nó, từ hệ thống Quốc gia đến hệ thống của giai cấp hoặc tiểu gia đình, (sẽ được phân tích rõ ở phần dưới).

### C. — CÔNG NGHIỆP CHẾ ĐỘ :

Để điều hòa sản xuất giữa các ngành công kỹ nghệ, Nhà Nước Bình Sân cần chia ra từng ngành kỹ nghệ, như sau :

a) Kỹ nghệ quốc phòng : Loại kỹ nghệ này do Nhà Nước nắm quyền trực tiếp sản xuất, chứ không thể giao cho các công ty tư nhân. Vì các lý do như :

- Bí mật quốc phòng
- Nhu cầu sản xuất vũ khí phải tùy theo thời cuộc hòa bình hay chiến tranh,

— Sự tiến hóa về kỹ thuật chiến-tranh của mỗi thời đại khác biệt nhau.

b) Kỹ nghệ chính yếu : Gồm có các kỹ nghệ nào trực tiếp chi phối các ngành kỹ nghệ khác vào đời sống của dân, như điện, nước. Vì nếu kỹ nghệ này, đặt trong tay một công ty tư nhân, tất có thể vì một lý do nào đó, mà công ty này phải ngừng hoạt động, thì sẽ làm tê liệt lây tất cả các ngành hoạt động khác. Nhất là đời sống xã-hội càng tiến hóa lại càng liên hệ trực tiếp vào máy móc, mà điện nước là một vấn đề quan trọng hơn cả.

c) Kỹ nghệ tiêu-thu : Gồm các vật phẩm cần thiết cho đời sống của con người sao cho đầy đủ và tiến bộ. Vấn đề này Nhà Nước cũng phải đứng môi giới giữa sản xuất và tiêu thụ. Đồng thời, lo điều chỉnh luật cung cầu, bằng những đơn đặt hàng, trên nguyên tắc cho các công ty sản xuất đúng theo tiêu chuẩn và số lượng. Nhưng các công ty này cũng chỉ coi những đơn đặt hàng đó, chỉ có giá trị trên nguyên tắc, để rồi làm môi giới với các công-ty phân phối ra thị trường, chứ không phải là Nhà Nước đặt hàng để mua thực sự như trường hợp một hãng buôn, Cho nên nếu



tiêu chuẩn và số lượng hàng làm mà không đúng thì công ty sản xuất phải chịu thiệt hại lấy. Ngược lại, nếu hàng tốt đúng theo tiêu chuẩn Quốc-tế và đủ số lượng mà không bán đi được thì Nhà Nước mới chịu trách nhiệm về đơn đặt hàng đó. Làm như vậy, hàng nội hóa sẽ không bị người tiêu thụ chê, hàng ngoại hóa sẽ không cần nhập cảng, khi kỹ nghệ trong nước tự túc được. Việc nâng đỡ nền kỹ nghệ do tư nhân tư bản trong nước tổ hợp thành công ty lớn để có thể nhận đơn đặt những món hàng lớn của Nhà Nước không lấy lời, như thế thì Nhà Nước cũng được lợi nhiều về thuế sản xuất. Đây là một việc làm khôn ngoan của Nhà Nước Bình-Sân nên không cần phải trực tiếp sản xuất như Nhà Nước Cộng-sản, làm thiệt thòi cho giai cấp tư-bản mà giai cấp vô sản cũng chẳng được ích gì.

d) Nông nghiệp chế độ : Nền tảng của xã hội Bình Sản nguyên thủy là nông nghiệp. Chế độ này bị mất đi vì chủ-nghĩa phong-kiến và tư-bản tìm cách biến công điền thành tư-diền hoặc tước đoạt cả công và tư điền để chia cho nhau. Sau đệ nhị thế chiến, nhiều quốc-gia Á Phi đã ngăn chặn Cộng Sản qua

việc cải cách ruộng đất, theo tiêu chuẩn Bình-Sân bằng nhiều cách ; Có nhiều quốc gia đã mua khéo và mua rẻ của giai cấp tư-bản địa-chủ, để lấy ruộng chia cho dân nghèo ; Có Quốc-gia thì tiết chế đại điền chủ, bằng cách để lại cho họ một số ruộng đất giới hạn đủ để sinh sống ; Có Quốc gia lại khuyến khích các điền chủ bán hết ruộng cho Nhà Nước, lấy tiền đầu tư vào các ngành công kỹ nghệ tư hoặc công tư hợp danh.

Nhưng có một điều quan trọng nhất, trong việc cải cách chế độ nông nghiệp, là cải tạo tự nhiên, để biến rừng hoang đồng lầy bãi cát thành những cánh đồng phì nhiêu, để phân bố lại cư trú, hầu giải quyết nạn nhân mãn vốn xưa nay ít được quốc gia nào đặt thành quốc sách

Cho nên việc cải cách ruộng đất, theo chế độ Bình Sản là quan trọng, nhưng nó vẫn chưa quan trọng bằng việc cải tạo tự nhiên để làm ra ruộng đất, trước khi phân bố cư trú và chia đều cho tất cả dân cày trở thành điền chủ hết,

Mục tiêu cải tạo tự nhiên và phân bố cư trú, theo tiêu chuẩn Bình-sân nông-nghiệp, rất cấp thiết đối với những quốc gia nông-



ngành lâm nghiệp tiến bộ. Bởi dân cày tại đây đang thiếu đất và thiếu phương tiện canh tác, nên kém năng xuất, chứ không được như các quốc gia Âu-Mỹ.

Cho nên thực hiện Bình-sân chế-độ tại địa hạt nông nghiệp rất liên quan tới nhiều vấn đề khác, trong đó còn có sự liên hệ trực tiếp giữa nông-nghiệp và công-nghiệp về vấn đề sản xuất máy móc cho dân cày.

Nói tóm lại, Công Độ Chủ-Nghĩa có mục đích giải quyết mọi trở ngại, trong việc điều hòa của ba ngành sinh-hoạt: Nông, Công, Thương, để làm cho tài chánh quốc-gia thêm vững mạnh và đồng lương của thợ thuyền cũng như lời lãi của chủ cũng đều được bảo đảm cả.

— Cần lưu ý là có giải quyết xong được phần đầu của kế hoạch Bình-Sân, tại Bốn Công Chủ-Nghĩa này, thì việc phân chia ra bốn hệ thống kinh-tế mới hoạt động hữu hiệu được.

— Cho nên việc sắp xếp cả những cải cách về kinh tế của cả hai chủ trương Tư Bản và Cộng Sản đã làm vào trong một hệ thống của Bình Sản không có nghĩa là đi học lại của người làm của mình. Mà đây chỉ là sự ghi nhận những cải cách hợp lý đó vào trong

một chủ trương nhất quán, trừ phần triết học của toàn bộ Thăng Nghĩa trong việc xây dựng Xã hội Tự tính đến việc khám phá ra cả một hệ thống triết học của Công việc. Thái Dịch Tiên Sinh quả đã vượt xa tư tưởng của các nhà kinh tế học hiện đại nhiều lắm. Vì ngay như K. MARX cũng chỉ mới khám phá thấy phần giá trị của công việc, chứ chưa bàn tới triết học của nó. Còn các nhà kinh tế học Âu Mỹ thì lại quá chú trọng về khoa học quản lý của các tổ chức kinh tế mới. Nên cũng chưa bàn tới cái căn nguyên của tổ chức là ở phần triết học của công việc phát sinh. Mãi cho tới ngày gần đây người ta mới bàn tới vấn đề triết lý của công việc phảng phất ở phần giáo dục cấp chỉ huy và cách vận dụng nhân viên cấp dưới để tăng năng xuất và tránh bớt sự chia rẽ tâm lý giai cấp của Cộng Sản reo rắc.

Như vậy chúng ta có thể hy vọng rằng sẽ có sự gặp gỡ giữa công việc sửa sai và xét lại của các chủ trương kinh tế đối lập nhau ở một tụ điểm. Mà chúng ta là những kẻ đón trước được hương di tới của kinh tế là Bình Sản làm chủ động trong việc giải quyết hòa bình đang diễn ra trên đất Việt đã nói ở phần trên.

### III.— SẢN NGHIỆP HỆ THỐNG

Để bảo vệ cho chủ trương Bình Sản khỏi bị tư nhân hay giai cấp lũng đoạn làm đổ nát xã hội. Việc thực hiện bốn công chủ nghĩa được phân công thành Bốn hệ thống sản nghiệp :

- 1) Quốc gia hệ thống,
- 2) Địa phương tự trị hệ thống,
- 3) Xã hội hợp tác (của tư nhân)
- 4) Tiều gia đình hệ thống.

Sở dĩ có sự phân chia ra các sản nghiệp hệ thống trên, vì kinh nghiệm thực tế của các chế độ cũ cho thấy rõ như sau :

— Việc đem tách rời kinh tế ra ngoài địa hạt chính trị để cho nhà giàu tư do thao túng thị trường, khiến giai cấp khác không có cơ hội sinh hoạt là phi lý. Cho nên mặc dù chủ trương kinh tế tự do đã

được sửa sai, gọi là kinh tế chỉ huy bởi bộ máy Nhà Nước. Nhưng Nhà Nước là ai ? Chắc là những người đại diện cho giai cấp tư bản. Như vậy thì nạn tư bản lũng đoạn chính trị rất khó lòng ngăn chặn nổi. Khi nhà nước không trực tiếp nắm phần sinh hoạt chính của Quốc gia.

— Việc đem tập trung hết tài sản của tư nhân vào trong tay Nhà Nước Cộng sản. Trên lý thuyết là : Tập trung sản xuất để có đủ nhu cầu phân phối cho dân chúng được no ấm, mà khẩu hiệu được nêu ra là : Làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu. Nhưng thực tế thì thẳng dân chỉ được ăn cái bánh vẽ và phải làm bằng sức lao động thực cho nhà nước Cộng Sản gồm một thiểu số tha hồ hưởng thụ.

Chủ trương tư bản nhà nước này : lúc đầu có vẻ hấp dẫn đối với dân lao động nhờ không khi cách mạng vô sản còn xôi động. Nhưng về sau đối tượng tranh đấu là giai cấp tư bản không còn, người lao động lại bắt đầu chán ngấy giai cấp vô sản thơ lại kiêu mới. Do đó mà năng xuất của dân lao động ngày một giảm bớt dần, buộc giai cấp lãnh đạo Nhà Nước cộng sản phải xét lại.

— Cho nên việc phân chia hoạt động kinh tế thành bốn hệ thống chẳng những bảo đảm cho mọi ngành sinh hoạt được điều hòa, mà còn ngăn ngừa được nạn tư bản lũng đoạn kinh tế quốc gia, hoặc trái lại bị chủ trương xã hội kinh tế thao túng hết tất cả mọi sinh hoạt của tư bản và biến dân chúng thành nô lệ của Nhà Nước kiểu Cộng Sản.

Đó là điểm khác biệt của tổ chức kinh tế Bình Sản ở sự phân công, chứ không phải là lối sửa sai của kinh tế Tư bản gọi là « Kinh tế chỉ huy » hay kinh tế Xã hội hóa của Cộng Sản « xét lại »

Vì quan niệm chính trị và kinh tế của Bình Sản là : thiết kế và chấp hành nhân sinh. Nên kinh tế và chính trị thống nhất. Người làm chính trị phải có óc kinh bang tế thế. Người làm kinh tế phải ý thức rõ thấy vai trò chức nghiệp của mình đứng ở đâu? làm việc gì trong bản toán dân tộc? Không ai trả đáp lên nhau mà sống, không một khoản vốn nào bỏ quên hay một cá nhân nào không có cơ hội mang khả năng lao động đóng góp vào kế hoạch kinh tế đó để cùng hưởng quyền lợi,

Bởi mỗi chương trình riêng cho mỗi hệ thống sản nghiệp đều được phân công rõ ràng sau sau khi thiết lập chương trình chung tùy theo nhu yếu của thời đại và điều kiện kinh tế của mỗi quốc gia.

Cho nên việc dẫn giải về bốn sản nghiệp hệ thống chỉ có tính cách chỉ đạo trên nguyên tắc về việc làm đúng thực của chế độ Bình Sản. Còn các chi tiết thực hiện chương trình sẽ do kế hoạch riêng của các nhà kinh tế chuyên môn hoạch định sau.

### (A).— QUỐC GIA SẢN NGHIỆP HỆ THỐNG

Hệ thống số 1 của chế độ Bình Sản kinh tế là hệ thống Nhà Nước. Nhưng Nhà Nước Bình Sản chỉ nắm giữ phần kế hoạch và công tác chính đã được quy định trước theo các tiên chuẩn sau đây :

- 1.— Quốc phòng
- 2.— Tính chất độc chiếm (mô)
- 3.— Quan kiểm (công nghiệp để làm chia khóa cho các công nghiệp khác như máy điện, máy nước v.v..)
- 4.— Đại quy mô doanh nghiệp (lâm nghiệp, súc nghiệp mà công ty tư nhân không

làm nổi (xem thêm "Bình Sản Kinh Tế" khóa huấn luyện mùa Thu 1945)

Ngoài các tiêu chuẩn trên do Nhà Nước nắm giữ, các ngành sinh hoạt khác đều phân chia cho ba hệ thống kinh tế: Tự trị địa phương, xã hội công ty và tiểu gia đình cố gắng thực hiện. Bộ máy kinh tế nhà nước chỉ làm căn bản xoay chuyển từ hệ thống quốc gia, liên quan đến các hệ thống kinh tế địa phương và tư nhân có cơ hội phát triển một cách nhịp nhàng. Bởi mục đích của hệ thống kinh tế Nhà Nước là:

Dùng hệ thống Nhà Nước làm cái trục để bắt các bánh xe lớn nhỏ khác như trong bộ phận của một cái máy, thì nền kinh tế chung của quốc gia mới phát triển mạnh và đều hòa được. Ngoài mục đích làm động cơ chính của bộ máy kinh tế quốc gia, nó còn có mục đích phụ khác nữa là hạ thấp giá sinh hoạt cho dân bằng cách giảm dần các sắc thuế từ mức tối đa giảm tới tối thiểu, và từ chỗ miễn thuế không đánh vào nhu yếu phẩm là thứ hàng không có không được như: muối, gạo, vải, thuốc men đến việc giảm thuế an thích phẩm của người trung sản thường dùng sang đến hàng xa xỉ phẩm thường vẫn dành riêng cho giới tư bản.

Sở dĩ có sự giảm thuế này vì tất cả lợi tức do quốc sản và quốc doanh làm ra, sẽ được nhà nước chi dùng thay vào nhiều sắc thuế mà nhà nước phong kiến tư bản cũ thường gián tiếp hay trực tiếp đánh vào dân chúng, bất luận giàu hay nghèo. Đồng thời nó cũng giảm bớt được sức lao động của thợ thuyền và dân chúng khỏi làm lụng suốt đời cho cái gọi là thi đua sản xuất kiểu Stakhanovisme mà cá nhân dân chúng thì không được hưởng đủ quyền lợi của mình, ngoài những huy chương lao động.

Chính vì những lý do trên mà thuế má dưới chế độ Nhà Nước Bình sản sẽ chỉ đánh vào hàng xa xỉ phẩm (không cần thiết đối với dân nghèo) để tiết chế tư-bản và chỉ đánh vào các xí nghiệp sản xuất quan trọng chứ không đánh vào nghề thủ công hay các tiểu thương như: hàng rau, hàng cá, ở đầu chợ cuối đường.

Ngoài ra chủ trương Bình Sản cũng không bắt dân làm cho Nhà Nước mà không được hưởng quyền lợi như kiểu cộng sản hiện tại.



## 1. NÂNG ĐỒ TƯ NHÂN TƯ BẢN

Mặc dầu Nhà Nước Bình Sản nắm phần then chốt về kinh tế trong hệ thống Quốc sản và Quốc Doanh, nhưng không chủ trương làm hết đến độ xâm phạm vào sự sinh hoạt của tư nhân tư bản. Trái lại còn nâng đỡ và khuyến khích tư nhân bỏ vốn thành lập những xã hội công ty, để có thể tậnh được những đơn đặt hàng theo khả năng của cá nhân hay giai cấp hữu sản hầu đáp ứng mọi nhu cầu của Quốc gia.

Như vậy các xí nghiệp cứ việc sản xuất đủ số lượng theo tiêu chuẩn của Nhà Nước, chứ không cần phải lo nghiên cứu thị trường tiêu thụ trước khi sản xuất và cũng không sợ phá sản vì những hàng hóa sản xuất không tiêu thụ được (trừ hàng xấu không đúng tiêu chuẩn đã định).

Vì Nhà Nước sau khi đặt hàng lại sẽ đứng làm trung gian môi giới giữa công ty sản xuất và công ty chuyên chở phân phối, khiến hàng hóa không bị ứ đọng hay bị thiếu thốn. Nhờ vậy mà giá cả trên thị trường cũng sẽ không bị bọn gian thương đầu cơ tăng lên quá cao.

Bởi mức cung và cầu lúc nào cũng đi đôi với nhau có lợi cho người sản xuất lẫn người phân phối và cả người tiêu thụ nữa.

## 2. HỮU SẢN HÓA DÂN NGHEÒ

Sau việc làm giảm thuế để dân nghèo có thể kiếm nhiều tiền mà chi tiêu trong đời sống ít đi nhờ kế hoạch tự túc của Nhà Nước. Dân nghèo tất sẽ sớm trở nên hữu sản.

Đây là xét theo luật tự động điều chỉnh. Còn nếu xét theo chủ trương của Bình sản kinh-tế qua Công Phối Chủ Nghĩa và sự liên hệ của tổ chức kinh-tế tiểu gia đình với hệ thống Quốc gia đến địa phương và xã hội hợp tác công ty, thì tất cả dân nghèo sẽ trở nên hữu sản hết. Vì người vô sản sẽ mang sức lao động đóng góp với Nhà Nước hay công ty tư bản. Ngoài số lượng và phụ cấp hàng tháng họ sẽ được chia lời không vốn 30 phần trăm hàng năm đối với công nghiệp, 50 phần trăm đối với nông nghiệp, thiết tưởng không còn chế độ nào giải quyết cho dân nghèo hay hơn thế.

Để chứng minh rõ ràng hơn mục đích nêu ra trên. Hệ thống Sản nghiệp Quốc gia còn tận lực khai thác kế hoạch quốc sản và quốc doanh theo các tiêu chuẩn: